

**TỈNH ỦY ĐỒNG THÁP**

---o0o---

# **TÀI LIỆU HỘI NGHỊ**

**THÔNG BÁO NHANH KẾT QUẢ HỘI NGHỊ LẦN THỨ SÁU  
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHOÁ XIII**

*Đồng Tháp, ngày 28 tháng 10 năm 2022*

**MỤC LỤC**

-----

Trang

***Chuyên đề 1:*** Đề cương thông báo nhanh kết quả Hội nghị lần thứ sáu  
Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII 3

***Chuyên đề 2:*** Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới  
gắn với tái cơ cấu ngành Nông nghiệp và công tác giảm nghèo bền vững 39

**Chuyên đề 1**  
**ĐỀ CƯƠNG THÔNG BÁO NHANH**  
**KẾT QUẢ HỘI NGHỊ LẦN THỨ SÁU**  
**BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHOÁ XIII**

-----

Thực hiện Chương trình làm việc toàn khoá, từ ngày 03/10 đến ngày 09/10/2022, tại Thủ đô Hà Nội, Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII đã họp bàn, cho ý kiến về các nội dung sau: (1) Báo cáo về tình hình kinh tế - xã hội, ngân sách nhà nước năm 2022, dự kiến Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023; Kế hoạch tài chính ngân sách nhà nước 3 năm 2023 - 2025; phương án điều chỉnh tiền lương, lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp ưu đãi người có công trong năm 2023. (2) Định hướng quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. (3) Tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. (4) Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới. (5) Tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khoá X về tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị. (6) Báo cáo những công việc quan trọng Bộ Chính trị đã giải quyết từ sau Hội nghị Trung ương 5 đến Hội nghị Trung ương 6 và một số nhiệm vụ trọng tâm từ Hội nghị Trung ương 6 đến Hội nghị Trung ương 7 khoá XIII. (7) Báo cáo công tác tài chính đảng năm 2021. (8) Công tác cán bộ.

Đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng chủ trì, phát biểu khai mạc và bế mạc Hội nghị.

Tham dự Hội nghị có các đồng chí Ủy viên Trung ương Đảng. Đại biểu mời dự Hội nghị có 21 đồng chí không là Ủy viên Trung ương Đảng, gồm: Bí thư Tỉnh uỷ Đắk Nông, Chính uỷ Quân khu 2, Quân khu 9, Chính uỷ Bộ Tư lệnh Thủ đô, Phó Chủ nhiệm và Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Tổng Giám đốc Thông tấn xã Việt Nam, Phó Bí thư thường trực Tỉnh uỷ Hải Dương.

Sau 7 ngày làm việc, Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII đã hoàn thành nội dung chương trình đề ra. Các đồng chí Ủy viên Trung ương Đảng và các đồng chí tham dự Hội nghị đã thể hiện tinh thần trách nhiệm cao, phát huy dân chủ, trí tuệ, thẳng thắn thảo luận, đóng góp nhiều ý kiến quan trọng vào các báo cáo. Bộ Chính trị đã họp, thảo luận để tiếp thu ý kiến thảo luận của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và giải trình những vấn đề còn có ý kiến khác nhau. Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã thống nhất cao nội dung ý kiến tiếp thu và giải trình của Bộ Chính trị, thông qua những nội dung cơ bản các văn kiện của Hội nghị Trung ương.

Sau đây là Thông báo nhanh về kết quả Hội nghị.

## **I- VỀ TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI, NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022, DỰ KIẾN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2023; KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 3 NĂM 2023 - 2025; PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG, LƯƠNG HƯU, TRỢ CẤP BẢO HIỂM XÃ HỘI VÀ TRỢ CẤP ƯU ĐÃI NGƯỜI CÓ CÔNG TRONG NĂM 2023**

Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã thảo luận và thống nhất ban hành Kết luận về kinh tế - xã hội năm 2022 - 2023, với những nội dung cơ bản sau:

### **1. Về đánh giá tình hình năm 2022**

Năm 2022, tình hình thế giới có nhiều biến động nhanh, phức tạp, khó lường, nhiều vấn đề mới phát sinh chưa có tiền lệ, khó khăn hơn so với dự báo tại thời điểm xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022. Cạnh tranh chiến lược nước lớn ngày càng gay gắt; xung đột quân sự Nga - U-crai-na xảy ra và còn kéo dài; lạm phát tăng mạnh ở nhiều quốc gia, xu hướng tăng lãi suất, thu hẹp chính sách tiền tệ, tài khoá dẫn đến suy giảm tăng trưởng kinh tế toàn cầu; rủi ro tài chính, tiền tệ gia tăng; nguy cơ mất ổn định an ninh năng lượng, an ninh lương thực ngày càng hiện hữu... Trong nước, áp lực lạm phát tăng cao; giá xăng, dầu, nguyên, vật liệu, các yếu tố đầu vào biến động mạnh, ảnh hưởng lớn đến nhiều ngành, lĩnh vực; trong khi đó, dịch bệnh, thiên tai, bão lũ diễn biến phức tạp, gây nhiều khó khăn, thiệt hại cho sản xuất và đời sống.

Trong bối cảnh đó, nhờ sự vào cuộc quyết liệt của cả hệ thống chính trị, sự tin tưởng, tham gia tích cực của nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp dưới sự lãnh đạo của Đảng, mà trực tiếp, thường xuyên là Bộ Chính trị, Ban Bí thư, đứng đầu là đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng, quản lý của Nhà nước, sự đồng hành, ủng hộ của Quốc hội, sự chỉ đạo quyết liệt của Chính phủ, các cấp, các ngành, các địa phương, sự phối hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị trong triển khai thực hiện các nghị quyết của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, nhất là Kết luận số 20-KL/TW của Hội nghị Trung ương 4 khoá XIII về kinh tế - xã hội năm 2021 - 2022, tình hình kinh tế - xã hội tiếp tục xu hướng phục hồi tích cực và đạt những kết quả quan trọng trên nhiều lĩnh vực; ước cả năm đạt và vượt 14/15 chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

Kinh tế vĩ mô được duy trì ổn định, lạm phát được kiểm soát ở mức khoảng 4%, các cân đối lớn của nền kinh tế được bảo đảm. Thu ngân sách nhà nước ước cả năm vượt 14,3% dự toán; xuất khẩu tăng khoảng 9,5%, tiếp tục xuất siêu; an ninh năng lượng (điện, xăng, dầu), an ninh lương thực, thực phẩm được bảo đảm; thị trường lao động phục hồi nhanh, cơ bản đáp ứng yêu cầu. Việc triển khai các kết luận của Bộ Chính trị về Chương trình phòng, chống dịch Covid-19 (2022 - 2023) và Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội được tập trung chỉ đạo thực hiện hiệu quả, góp phần kiểm soát được dịch bệnh trên phạm

vi toàn quốc, tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Tăng cường huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực; tập trung tháo gỡ rào cản, khó khăn, vướng mắc cho sản xuất, kinh doanh; vừa xử lý các vấn đề tồn đọng, kéo dài nhiều năm, vừa ứng phó kịp thời với những biến động của tình hình thế giới, khu vực và giải quyết những vấn đề mới phát sinh. Các ngành, lĩnh vực chủ yếu, cả 3 khu vực của nền kinh tế phục hồi và phát triển mạnh; tăng trưởng GDP cả năm ước đạt khoảng 8% (mục tiêu đề ra là 6 - 6,5%).

Công tác xây dựng, hoàn thiện thể chế, pháp luật, cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh được chú trọng và có hiệu quả.

Các lĩnh vực văn hoá, xã hội được quan tâm; an sinh xã hội, đời sống của nhân dân được bảo đảm; tỉ lệ hộ nghèo giảm 1%. Nhiều giá trị văn hoá truyền thống và di sản văn hoá của dân tộc được kế thừa, bảo tồn và phát triển; quan tâm bố trí nguồn lực của Nhà nước, đồng thời phát huy các nguồn lực xã hội cho lĩnh vực văn hoá. Phát triển nguồn nhân lực gắn với nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyên đổi số, phát triển kinh tế xanh, kinh tế số, xã hội số được đẩy mạnh. Phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí được đẩy mạnh và đạt nhiều kết quả. Quốc phòng, an ninh được tăng cường; độc lập, chủ quyền được giữ vững; an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm; đối ngoại và hội nhập quốc tế được đẩy mạnh, góp phần củng cố và nâng cao uy tín, vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

Tuy nhiên, nền kinh tế vẫn còn những hạn chế, bất cập và gặp nhiều khó khăn, thách thức. Hoạt động sản xuất, kinh doanh trong nhiều ngành, lĩnh vực còn khó khăn; thiếu hụt lao động cục bộ trong một số ngành, lĩnh vực, địa bàn; tiềm ẩn nguy cơ thiếu hụt lao động cho giai đoạn phục hồi và phát triển, nhất là lao động chất lượng cao. Cơ cấu lại, sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập chưa đạt yêu cầu; chưa phát huy tốt vai trò của các tập đoàn kinh tế của Nhà nước tham gia vào các công trình, dự án lớn. Công tác quy hoạch còn chưa đạt kết quả như mong muốn. Giải ngân vốn đầu tư công chưa đạt yêu cầu, tiến độ đề ra; việc triển khai một số chính sách thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, 3 chương trình mục tiêu quốc gia còn chậm. Thu hút FDI đầu tư mới và chuyển giao công nghệ gặp nhiều khó khăn; liên kết giữa khu vực FDI và kinh tế trong nước còn hạn chế. Tốc độ tăng năng suất lao động thấp hơn so với mục tiêu đề ra. Xuất khẩu gặp thách thức không nhỏ khi các thị trường lớn, truyền thống bị thu hẹp. Đời sống một bộ phận người dân còn khó khăn. Tình trạng bỏ việc, nghỉ việc trong khu vực công sang khu vực tư có xu hướng gia tăng. Dịch Covid-19 có thể tiếp tục diễn biến phức tạp; tình trạng thiếu thuốc, trang thiết bị, vật tư y tế tại một số cơ sở khám, chữa bệnh chưa được xử lý dứt điểm.

Nguyên nhân chủ yếu của những hạn chế, bất cập nêu trên là do tình hình thế giới biến động nhanh, phức tạp, khó lường, vượt dự báo, khó khăn, thách thức nhiều hơn thuận lợi, cơ hội; nước ta bị ảnh hưởng nặng nề do dịch Covid-19, cần thời gian tích lũy để phục hồi, trong khi nền kinh tế có độ mở lớn, năng lực nội tại, tính tự chủ, khả năng chống chịu còn hạn chế. Năng lực phân tích, dự báo, tham mưu, thực hiện chính sách của các cơ quan chức năng trong một số trường hợp còn bị động; một bộ phận cán bộ, công chức còn có tâm lý né tránh, sợ trách nhiệm; công tác phối hợp giữa một số cơ quan, đơn vị hiệu quả chưa cao...

*Từ những kết quả đạt được và hạn chế, khó khăn, Ban Chấp hành Trung ương Đảng xác định nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu những tháng cuối năm 2022 là:*

- Tiếp tục triển khai đồng bộ, hiệu quả Chương trình phòng, chống dịch Covid-19. Giải quyết vướng mắc trong đầu thầu thuốc, vật tư y tế để sớm khắc phục tình trạng thiếu thuốc, trang thiết bị, vật tư, sinh phẩm y tế.

- Theo dõi chặt chẽ, dự báo diễn biến chính sách tài khoá, tiền tệ của các nước lớn, là đối tác thương mại, đầu tư chủ yếu của Việt Nam; thường xuyên cập nhật các kịch bản về tăng trưởng, lạm phát, hạn mức tín dụng, các cân đối lớn để chủ động trong công tác tham mưu, chỉ đạo, điều hành; có giải pháp về nguồn hàng, điều tiết sản xuất, bảo đảm cung ứng cho sản xuất, đời sống, nhất là các mặt hàng thiết yếu, điện, xăng, dầu.

- Thực hiện chính sách tiền tệ thận trọng, chắc chắn, bảo đảm tính chủ động, linh hoạt, hiệu quả, phối hợp đồng bộ, chặt chẽ, hài hoà, hiệu quả với điều hành chính sách tài khoá nói lỏng hợp lý, có trọng tâm, trọng điểm, hiệu quả và các chính sách khác để ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, thúc đẩy tăng trưởng, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế; bảo đảm cung cấp đủ tín dụng cho nền kinh tế, tập trung vào hoạt động sản xuất kinh doanh và các lĩnh vực ưu tiên.

- Thúc đẩy tăng thu ngân sách nhà nước, kiểm soát chi chặt chẽ, tiết kiệm triệt để các khoản chi thường xuyên, chi sự nghiệp có tính chất đầu tư; triển khai quyết liệt các giải pháp thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công, Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, 3 Chương trình mục tiêu quốc gia. Các bộ, ngành, địa phương khẩn trương rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách theo tinh thần vướng mắc ở cấp, ngành nào thì cấp, ngành đó chủ động sửa đổi, hoàn thiện; đẩy nhanh tiến độ lập, thẩm định, phê duyệt các quy hoạch.

- Tập trung giải quyết tình trạng thiếu lao động cục bộ tại các đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế lớn; quan tâm, chú trọng thực hiện các chính sách an sinh xã hội; có các giải pháp thúc đẩy tăng năng suất lao động xã hội.

- Bảo đảm quốc phòng, an ninh, đẩy mạnh hội nhập quốc tế; tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, tạo sự đồng thuận cao trong xã hội. Tiếp tục xây dựng hoàn thiện bộ máy bên trong tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, đẩy mạnh cải cách hành chính, cơ cấu hợp lý, nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí.

## **2. Quan điểm, mục tiêu, định hướng nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu năm 2023**

### **2.1. Quan điểm**

(1) Bám sát Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; các Nghị quyết chuyên đề của Trung ương, Bộ Chính trị và các Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ. Tập trung thực hiện đồng bộ, hiệu quả các quan điểm, mục tiêu, các nhiệm vụ, giải pháp của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2021 - 2030, các Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021 - 2025, trong đó chú trọng 3 đột phá chiến lược, 6 nhiệm vụ trọng tâm và 12 nhóm giải pháp chủ yếu.

(2) Đoàn kết, nỗ lực, quyết tâm hành động cao nhất để thích ứng linh hoạt, hiệu quả với bối cảnh, tình hình mới, khắc phục khó khăn, thách thức, tranh thủ thời cơ, vận hội mới trong phát triển kinh tế - xã hội; chủ động, tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng, thực chất, hiệu quả và xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ.

(3) Chỉ đạo điều hành kinh tế vĩ mô chủ động, linh hoạt, sáng tạo, kịp thời, hiệu quả, bảo đảm phù hợp với tình hình và yêu cầu thực tiễn theo hướng: Bảo đảm ổn định trong điều kiện có nhiều bất định; chủ động thích ứng linh hoạt, hiệu quả trước những diễn biến phức tạp, khó lường; kiên định, nhất quán, bản lĩnh, tự tin trong điều hành trước sự biến động, tác động nhiều chiều từ thế giới và trong nước; có biện pháp kiểm soát rủi ro, ứng phó kịp thời với nguy cơ suy thoái, khủng hoảng từ bên ngoài; giải quyết hài hòa giữa hợp tác và cạnh tranh kinh tế quốc tế trong điều kiện hội nhập sâu rộng.

(4) Đồng bộ, thống nhất trong chỉ đạo, điều hành, vừa tập trung xử lý hiệu quả các nhiệm vụ nặng nề, thường xuyên, các vấn đề tồn đọng kéo dài, vừa kịp thời ứng phó với những vấn đề cấp bách, bất ngờ phát sinh trong ngắn hạn, đồng thời thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp mang tính căn cơ trong trung và dài hạn. Chủ động ban hành và tổ chức thực hiện các cơ chế, chính sách thiết thực, phù hợp, hiệu quả.

(5) Phát triển văn hoá phải được đặt ngang hàng với kinh tế, chính trị, xã hội. Thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững, đảm bảo tiến bộ, công bằng xã hội, bảo vệ môi trường, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân, đặc biệt là người có công, hộ nghèo, các đối tượng yếu thế.

(6) Tiếp tục củng cố, giữ vững quốc phòng, an ninh; đẩy mạnh các hoạt động đối ngoại, nâng cao chất lượng, hiệu quả hội nhập quốc tế; đảm bảo môi trường ổn định, hoà bình, hợp tác để thúc đẩy phát triển nhanh, bền vững.

## **2.2. Mục tiêu**

Tiếp tục ưu tiên giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, thúc đẩy tăng trưởng, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế. Kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19 và các dịch bệnh mới phát sinh. Đẩy mạnh cơ cấu lại, nâng cao năng lực nội tại, tính tự chủ, khả năng chống chịu và thích ứng của nền kinh tế; củng cố, phát triển các động lực tăng trưởng mới. Quyết liệt và đẩy nhanh tiến độ thực hiện các đột phá chiến lược, Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, 3 Chương trình mục tiêu quốc gia. Tập trung xây dựng, hoàn thiện thể chế, pháp luật; nâng cao hiệu lực, hiệu quả chỉ đạo điều hành và thực thi pháp luật; đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; đẩy mạnh phát triển, ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh. Tập trung xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, nhất là các dự án quan trọng, trọng điểm quốc gia. Chú trọng phát triển toàn diện và đồng bộ các lĩnh vực văn hoá, bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân. Đẩy mạnh cải cách hành chính, sắp xếp bộ máy, tinh giản biên chế, tạo môi trường đầu tư thuận lợi cho sản xuất kinh doanh, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Quản lý chặt chẽ, sử dụng hiệu quả đất đai, tài nguyên, bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu. Tăng cường công tác thông tin, truyền thông, tạo đồng thuận xã hội. Củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền; giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội; đẩy mạnh đối ngoại, hội nhập quốc tế; nâng cao uy tín, vị thế của nước ta trên trường quốc tế.

## **2.3. Định hướng các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu**

(1) Tiếp tục ưu tiên giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, thúc đẩy tăng trưởng, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế. Phấn đấu tăng trưởng kinh tế năm 2023 đạt khoảng 6,5%, tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân khoảng 4,5%.

- Thực hiện chính sách tiền tệ thận trọng, chắc chắn, bảo đảm tính chủ động, linh hoạt, phối hợp đồng bộ, chặt chẽ, hài hoà với chính sách tài khoá mở rộng hợp lý, có trọng tâm, trọng điểm, bảo đảm hiệu quả và các chính sách khác. Điều hành lãi suất, tỉ giá đồng bộ, phù hợp với diễn biến lạm phát và thị trường trong, ngoài nước, mục tiêu chính sách tiền tệ; sử dụng hiệu quả Quỹ Dự trữ ngoại hối hoặc nâng lãi suất điều hành khi cần thiết để ổn định thị trường ngoại tệ. Có giải pháp bảo đảm cung cấp đủ vốn tín dụng cho nền kinh tế, tập trung vào hoạt động sản xuất kinh doanh, các lĩnh vực ưu tiên và các động lực tăng trưởng như tiêu dùng, đầu tư, xuất khẩu. Bảo đảm an ninh, an toàn tài chính, tiền tệ quốc gia.



- Theo dõi sát diễn biến, tình hình kinh tế, giá cả, lạm phát, thị trường thế giới, khu vực, kịp thời cảnh báo rủi ro, có đối sách phù hợp và sử dụng linh hoạt các công cụ chính sách để kiểm soát lạm phát, giá cả, thị trường phù hợp, trong đó có chính sách thuế, phí đối với xăng, dầu. Thúc đẩy phát triển mạnh mẽ thị trường trong nước, đẩy mạnh xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường xuất khẩu, đa dạng hoá thị trường, đa dạng hoá sản phẩm, đa dạng hoá các chuỗi cung ứng, phân đấu thặng dư thương mại bền vững. Đẩy mạnh thanh tra, kiểm tra, ngăn chặn và xử lý nghiêm các hành vi gian lận thương mại, đầu cơ, thao túng giá, thị trường, tăng giá bất hợp lý, vi phạm pháp luật giá, nhất là đối với các nguyên, vật liệu quan trọng và các mặt hàng tiêu dùng thiết yếu. Huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực, tăng cường thu hút đầu tư xã hội, trong đó đẩy mạnh hơn nữa hình thức đối tác công tư. Triển khai quyết liệt, hiệu quả Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội; tập trung thực hiện 3 Chương trình mục tiêu quốc gia.

(2) Giữ vững thành quả phòng, chống dịch Covid-19; tiếp tục quán triệt, thực hiện nghiêm các quan điểm, nguyên tắc, nhiệm vụ giải pháp phòng, chống dịch; chủ động phương án ứng phó với các tình huống dịch bệnh mới có thể xảy ra. Tăng cường y tế cơ sở, y tế dự phòng; nâng cao năng lực điều trị tất cả các tuyến trong hệ thống y tế; tiếp tục đổi mới cơ chế tài chính, giá dịch vụ y tế để từng bước thực hiện tính đúng, tính đủ các yếu tố chi phí vào giá dịch vụ y tế; sớm chấm dứt tình trạng thiếu thuốc, trang thiết bị, vật tư, sinh phẩm y tế.

(3) Thực hiện tốt công tác xây dựng, hoàn thiện thể chế, pháp luật và nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thực thi, bảo đảm kỷ luật, kỷ cương; đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh. Tăng cường phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí. Tiếp tục quán triệt và thể chế hoá kịp thời, đầy đủ những định hướng, chủ trương của Đảng; bảo đảm tiến độ, chất lượng các dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết theo Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2023. Đổi mới, tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác theo dõi thi hành pháp luật. Phòng ngừa, giải quyết tốt, kịp thời các tranh chấp thương mại, đầu tư quốc tế, các kiến nghị, phản ánh, khiếu nại của các nhà đầu tư, nhất là nhà đầu tư nước ngoài, tránh phát sinh các vụ kiện về đầu tư; phân đấu hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ thi hành án dân sự, theo dõi thi hành án hành chính. Kịp thời điều chỉnh, tháo gỡ những khó khăn, hạn chế, bất cập trong các cơ chế, chính sách, pháp luật, phát triển đồng bộ, an toàn, lành mạnh, bền vững và hội nhập các thị trường chứng khoán, bất động sản, trái phiếu doanh nghiệp, khoa học, công nghệ. Phát triển mạnh thị trường lao động, thúc đẩy giải quyết việc làm. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, cá thể hoá trách nhiệm người đứng đầu gắn với tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát và kiểm soát quyền lực. Tập trung triển khai có hiệu quả Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà

nước giai đoạn 2021 - 2026. Tiếp tục xây dựng hoàn thiện bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả gắn với tinh giản biên chế, cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Thực hiện tốt công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo ngay từ cơ sở.

(4) Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện thực chất, hiệu quả cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, tăng năng suất các nhân tố tổng hợp; huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực; nâng cao năng suất lao động, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh, tính tự chủ, khả năng thích ứng và sức chống chịu của nền kinh tế; đẩy mạnh chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn. Có giải pháp mạnh mẽ, quyết liệt, sớm khắc phục các tồn tại, hạn chế để đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công ngay từ đầu năm 2023. Nâng cao trách nhiệm người đứng đầu trong việc quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư dự án và giải ngân vốn đầu tư công. Triển khai quyết liệt Đề án cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021 - 2025, tập trung thực hiện phương án xử lý các tổ chức tín dụng yếu kém. Quyết liệt chỉ đạo tháo gỡ, tạo điều kiện để xử lý dứt điểm các vấn đề tồn đọng, kéo dài. Tiếp tục cơ cấu lại ngân sách nhà nước, nâng cao hiệu quả quản lý, phân bổ, sử dụng ngân sách nhà nước; triệt để tiết kiệm chi, nhất là chi thường xuyên, chi sự nghiệp có tính chất đầu tư, chống lãng phí; tăng cường kỷ luật, kỷ cương tài chính - ngân sách nhà nước. Tăng cường kết nối, hỗ trợ hiệu quả doanh nghiệp trong nước tham gia vào chuỗi cung ứng của các doanh nghiệp, dự án FDI, nhất là các công ty đa quốc gia. Đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông, mở rộng đào tạo nghề, nhất là đào tạo kỹ năng nghề, có lộ trình từng bước phát triển các trường đại học mang tầm khu vực, quốc tế để góp phần nâng cao năng suất lao động, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế.

(5) Tập trung phát triển, hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng chiến lược đồng bộ, nhất là hạ tầng giao thông. Đẩy nhanh tiến độ một số công trình hạ tầng giao thông trọng điểm, quan trọng quốc gia, có tính liên vùng và hạ tầng đô thị lớn, các dự án đường sắt đô thị; các dự án đường cao tốc: Đắc Nông - Bình Phước; Nam Định - Ninh Bình - Thái Bình - Hải Phòng; Lạng Sơn - Cao Bằng; Hoà Bình - Mộc Châu; Hà Giang - Tuyên Quang; nghiên cứu, thực hiện nâng cấp mở rộng và khai thác lưỡng dụng một số sân bay theo phương thức hợp tác công tư như Phan Thiết, Thành Sơn, Chu Lai, Lào Cai, Nà Sản, Yên Bái, Vinh, Biên Hoà, Gia Lâm và một số sân bay khác. Thực hiện quyết liệt các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu của Nghị quyết số 61/2022/QH15, phấn đấu hoàn thành việc phê duyệt trong năm 2023 các quy hoạch còn lại trong hệ thống quy hoạch quốc gia theo Luật Quy hoạch.

(6) Chú trọng phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao gắn với đẩy mạnh nghiên cứu, phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp. Tiếp tục thực hiện hiệu quả nhiệm vụ đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo; tiếp tục triển khai Chương trình giáo dục phổ thông, thực hiện tự chủ đại học thực chất, nâng cao chất lượng giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp, nhất là đào tạo kỹ năng nghề. Đẩy mạnh chuyển đổi số, tăng cường ứng dụng khoa học, công nghệ trong công tác quản lý, điều hành, hướng tới kinh tế số, xã hội số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn. Thực hiện hiệu quả Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2021 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

(7) Chú trọng phát triển toàn diện và đồng bộ các lĩnh vực văn hoá, bảo đảm gắn kết hài hoà giữa phát triển kinh tế với văn hoá, xã hội; nâng cao đời sống nhân dân, bảo đảm an sinh xã hội. Không ngừng phát huy giá trị văn hoá, con người Việt Nam, quan tâm phát triển văn hoá ngang hàng với kinh tế, chính trị, xã hội. Tập trung xây dựng môi trường văn hoá lành mạnh, đời sống văn hoá cơ sở, thực hiện phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá", nâng cao trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên. Quan tâm hơn việc bảo tồn, tôn tạo và phát huy các giá trị di sản, văn hoá dân tộc, các giá trị văn hoá vật thể và phi vật thể của các vùng, miền; ưu tiên đầu tư xây dựng, nâng cấp và cải tạo hệ thống thiết chế văn hoá. Triển khai Chương trình phát triển văn hoá giai đoạn 2022 - 2030. Xây dựng môi trường văn hoá số, thị trường văn hoá lành mạnh; phát triển các ngành công nghiệp văn hoá. Đẩy mạnh phát triển thể dục, thể thao; chuẩn bị lực lượng, cơ sở vật chất sẵn sàng tham dự các đại hội thể thao quốc tế.

Tiếp tục thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, nâng cao đời sống nhân dân, duy trì và phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế. Hoàn thiện và triển khai có hiệu quả các chính sách về lao động, tiền lương và quan hệ lao động; triển khai các chính sách giải quyết việc làm, phấn đấu tỉ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị dưới 4%; tập trung triển khai Đề án đầu tư xây dựng 1 triệu căn hộ nhà ở xã hội. Thực hiện đầy đủ, kịp thời, bảo đảm công khai, minh bạch chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, trợ giúp xã hội. Triển khai hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025, thực hiện mục tiêu giảm nghèo đa chiều, bao trùm, phát huy nội lực vươn lên thoát nghèo của người dân và cộng đồng; phấn đấu giảm tỉ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều từ 1 - 1,5%. Có giải pháp nâng cao trình độ dân trí, giải quyết tình trạng thiếu đất ở, đất sản xuất, nhà ở, nước sinh hoạt cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Thực hiện tốt các chính sách dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng. Tạo môi trường sống an toàn, thân thiện, lành mạnh để phát triển trẻ em toàn diện; phát huy vai trò người cao tuổi; thực hiện tốt công tác bình đẳng giới, vì sự tiến bộ của phụ nữ, thể dục, thể thao, thông tin truyền thông, phòng, chống tệ nạn xã hội.

(8) Quản lý, sử dụng hiệu quả đất đai, tài nguyên; tăng cường bảo vệ môi trường, chuyển đổi năng lượng; chủ động phòng, chống thiên tai, giám sát, ứng phó, thích ứng hiệu quả với biến đổi khí hậu. Giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường. Quyết liệt triển khai các Chiến lược, Kế hoạch, Chương trình hành động ứng phó với biến đổi khí hậu, chuyển đổi năng lượng; xây dựng, phát triển ngành công nghiệp năng lượng tái tạo. Bảo đảm an ninh nguồn nước, an toàn hồ đập và ngăn chặn suy giảm tài nguyên nước; đẩy mạnh hợp tác với các quốc gia thượng nguồn và các tổ chức quốc tế trong việc bảo vệ và sử dụng có hiệu quả tài nguyên nước ở lưu vực các dòng sông xuyên biên giới, nhất là sông Mê Công và Sông Hồng. Tiếp tục nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng nguồn lực đất đai, tài nguyên.

(9) Giữ vững ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, giữ vững độc lập, chủ quyền quốc gia. Phát huy sức mạnh tổng hợp của khối đại đoàn kết toàn dân tộc; huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực bên trong và bên ngoài. Tăng cường, củng cố tiềm lực quốc phòng, an ninh; thực hiện tốt chủ trương kết hợp quốc phòng, an ninh với kinh tế - xã hội và kinh tế - xã hội với quốc phòng, an ninh. Siết chặt kỷ luật, kỷ cương, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ. Triển khai đồng bộ, toàn diện, hiệu quả các hoạt động đối ngoại, hội nhập quốc tế, giữ vững môi trường hoà bình, ổn định cho phát triển đất nước và nâng cao vị thế, uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế. Đẩy mạnh công tác thông tin, truyền thông; nâng cao hiệu quả công tác dân vận, tạo đồng thuận xã hội.

### **3. Về dự toán ngân sách nhà nước năm 2023 và kế hoạch tài chính ngân sách nhà nước 3 năm 2023 - 2025**

Ban Chấp hành Trung ương Đảng thống nhất căn rà soát, có giải pháp huy động đủ nguồn lực để thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; tăng cường kỷ luật, kỷ cương tài chính ngân sách nhà nước; kiểm soát chặt chẽ bội chi ngân sách nhà nước, nợ công; củng cố vai trò chủ đạo của ngân sách trung ương, phát huy tính chủ động, sáng tạo của ngân sách địa phương. Đẩy mạnh công tác quản lý thu, nắm chắc nguồn thu, mở rộng cơ sở thu; thực hiện quyết liệt, hiệu quả các giải pháp chống thất thu, chuyển giá, gian lận thương mại, thất thu thuế trong thương mại điện tử, quản lý chặt chẽ hoàn thuế; đôn đốc thu hồi, giảm tỉ lệ nợ đọng thuế. Nâng cao hiệu quả thanh tra, kiểm tra, giám sát và công khai, minh bạch; điều hành chi ngân sách nhà nước theo dự toán, bảo đảm chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả; triệt để tiết kiệm chi thường xuyên, nhất là chi sự nghiệp có tính chất đầu tư, các khoản chi chưa thực sự cần thiết bảo đảm nguồn lực cho phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, hỗ trợ phục hồi phát triển kinh tế. Tiếp tục thực hiện các giải pháp quản lý, điều hành chặt chẽ việc điều chỉnh giá các hàng hoá quan trọng, dịch vụ sự nghiệp công do Nhà nước định giá, nhất là giá xăng, dầu, điện, góp phần hỗ trợ sản xuất kinh doanh, đời sống và kiểm soát lạm phát.

Ban Chấp hành Trung ương Đảng điều chỉnh tiền lương, lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp ưu đãi người có công trong năm 2023.

## **II- ĐỊNH HƯỚNG QUY HOẠCH TỔNG THỂ QUỐC GIA THỜI KỲ 2021- 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã thảo luận, thống nhất cao về sự cần thiết phải ban hành và tổ chức thực hiện thật tốt Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Ban Chấp hành Trung ương Đảng khẳng định đây là nhiệm vụ chính trị rất quan trọng có ý nghĩa chiến lược, cơ bản, lâu dài, nhưng cũng là vấn đề rất rộng lớn, rất mới, rất khó, rất nhạy cảm và chưa có tiền lệ. Để xây dựng được một Quy hoạch tổng thể quốc gia có chất lượng và tính khả thi cao, đáp ứng được mục tiêu, yêu cầu đề ra cần phải nhận thức thật sâu sắc và quán triệt thật đầy đủ những nội dung của Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và thực tế phát triển, tổ chức không gian phát triển quốc gia thời gian qua, nhất là 10 năm gần đây, thấy rõ những kết quả, thành tựu đã đạt được, những hạn chế, yếu kém còn tồn tại và nguyên nhân, bài học kinh nghiệm được tổng kết. Việc xây dựng và từng bước hoàn thiện Quy hoạch tổng thể quốc gia cho từng thời kỳ phải dựa trên nguyên tắc: Không gian phát triển quốc gia phải được tổ chức một cách hiệu quả, thống nhất trên phạm vi cả nước, bảo đảm liên kết nội vùng, liên vùng và khai thác lợi thế so sánh của từng vùng, nhằm huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Phát triển có trọng tâm, trọng điểm, tập trung vào một số địa bàn có điều kiện thuận lợi về vị trí địa lý, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội và nhiều tiềm năng, lợi thế cho phát triển, nhất là về nguồn nhân lực chất lượng cao, để hình thành vùng động lực, hành lang kinh tế, cực tăng trưởng thúc đẩy kinh tế cả nước phát triển nhanh, bền vững và có hiệu quả cao. Sử dụng có hiệu quả, tiết kiệm tài nguyên, nhất là tài nguyên đất, tài nguyên nước, tài nguyên rừng và các loại khoáng sản; bảo đảm an ninh lương thực, an ninh năng lượng, an ninh nguồn nước; phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn; bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và nâng cao chất lượng đa dạng sinh học; chủ động phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu. Tổ chức không gian phát triển quốc gia, các vùng lãnh thổ, các hành lang kinh tế và hệ thống đô thị phải gắn với phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại; gắn kết giữa hệ thống đô thị và nông thôn; khu vực đất liền với không gian biển; khai thác và sử dụng vùng trời; tham gia có hiệu quả vào các hành lang kinh tế quan trọng trong khu vực và quốc tế; gắn phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và củng cố, tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh; chủ động, tích cực hội nhập quốc tế sâu rộng, thực chất và hiệu quả.

Ban Chấp hành Trung ương Đảng thống nhất, nội dung chủ yếu của Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 là phải xác định rõ và đúng những quan điểm, tư tưởng chỉ đạo; những mục tiêu, chỉ tiêu chủ yếu cần phấn đấu để đạt được; và các định hướng lớn về phát triển và phân bố không gian phát triển các ngành, lĩnh vực chủ yếu; định hướng tổ chức không gian phát triển theo vùng, lãnh thổ; định hướng phát triển hệ thống đô thị, nông thôn; định hướng phát triển hệ thống cửa khẩu biên giới đất liền quốc gia... Trong quy hoạch, cần tập trung ưu tiên cho việc hình thành cơ bản bộ khung kết cấu hạ tầng quốc gia; tập trung vào hạ tầng giao thông, hạ tầng đô thị, năng lượng, hạ tầng số, hạ tầng bảo vệ môi trường, thủy lợi, phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu. Đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế, ưu tiên phát triển một số ngành, lĩnh vực có tiềm năng, lợi thế và còn dư địa lớn, gắn với không gian phát triển mới. Phát triển các vùng động lực, cực tăng trưởng quốc gia quan trọng để hình thành các "đầu tàu" lôi cuốn sự phát triển của quốc gia. Hình thành và phát triển các hành lang kinh tế theo trục Bắc - Nam và trục Đông - Tây; kết nối các cảng biển, cửa khẩu quốc tế, đầu mối giao thương lớn, các đô thị, trung tâm kinh tế, cực tăng trưởng.

Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã thống nhất ban hành Kết luận về định hướng Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; giao Bộ Chính trị chỉ đạo Ban cán sự đảng Chính phủ căn cứ ý kiến thảo luận của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, báo cáo tiếp thu, giải trình của Bộ Chính trị hoàn chỉnh định hướng Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 để trình Quốc hội khoá XV xem xét, quyết định.

### **III- TIẾP TỤC ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HOÁ, HIỆN ĐẠI HOÁ ĐẤT NƯỚC ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045**

Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã thảo luận và thống nhất ban hành Nghị quyết về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, với những nội dung cơ bản sau:

#### **1. Tình hình và nguyên nhân**

Trong hơn 35 năm đổi mới, nhất là trong 10 năm qua, công nghiệp hoá, hiện đại hoá đã thúc đẩy tăng trưởng kinh tế ở mức cao, chất lượng tăng trưởng được cải thiện, đưa nước ta trở thành nước đang phát triển có thu nhập trung bình. Công nghiệp được cơ cấu lại theo hướng giảm tỉ trọng ngành khai khoáng, tăng nhanh tỉ trọng ngành chế biến, chế tạo; đã hình thành được một số ngành công nghiệp có quy mô lớn, có khả năng cạnh tranh trên thị trường quốc tế. Công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn thúc đẩy tăng trưởng ngành nông nghiệp ổn định và bền vững, cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng ứng dụng công nghệ cao. Đóng góp của ngành dịch vụ vào tăng trưởng

kinh tế ngày càng tăng. Phát triển văn hoá, xã hội, con người và môi trường ngày càng được quan tâm; đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân không ngừng được nâng cao.

Tuy nhiên, mục tiêu trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020 không hoàn thành. Nội lực của nền kinh tế còn yếu, năng lực độc lập, tự chủ thấp, phụ thuộc nhiều vào khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, năng suất lao động thấp, chậm được cải thiện; khu vực kinh tế tư nhân trong nước chưa đáp ứng được vai trò là một động lực quan trọng thúc đẩy công nghiệp hoá, hiện đại hoá; doanh nghiệp nhà nước còn nhiều hạn chế. Đô thị hoá thiếu đồng bộ, chưa gắn kết với công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Các đột phá chiến lược chưa được thực thi hiệu quả. Vấn đề về phát triển văn hoá, xã hội, con người, môi trường còn nhiều hạn chế, bất cập.

Nguyên nhân của những hạn chế, tồn tại nêu trên là do: Nhận thức, tư duy lý luận về nhiều vấn đề liên quan đến công nghiệp hoá, hiện đại hoá còn chưa rõ; mô hình công nghiệp hoá, hiện đại hoá chưa được định hình rõ nét; một số mục tiêu đề ra còn chủ quan, duy ý chí; chưa có nghị quyết chuyên đề của Đảng để lãnh đạo, chỉ đạo thống nhất về công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Việc huy động, phân bổ và sử dụng nguồn lực còn nhiều hạn chế, chưa hiệu quả; nguồn lực nhà nước còn ở mức thấp, phân tán, dàn trải, hiệu quả thấp; nguồn lực xã hội chưa được huy động tốt; nguồn lực cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo còn thấp. Cơ chế, chính sách còn nhiều bất cập, chưa đáp ứng yêu cầu; hệ thống các tiêu chuẩn, định mức còn lạc hậu, không khuyến khích thúc đẩy phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ.

## **2. Quan điểm, mục tiêu công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045**

### **2.1. Quan điểm**

(1) Công nghiệp hoá, hiện đại hoá là quá trình chuyển đổi căn bản, toàn diện nền kinh tế và đời sống xã hội ngày càng dựa nhiều hơn vào sự phát triển của công nghiệp và dịch vụ trên nền tảng của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, quản trị hiện đại; là nhiệm vụ trung tâm của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, phát triển nhanh và bền vững, trở thành nước phát triển, có thu nhập cao.

(2) Đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước là sự nghiệp của toàn dân và cả hệ thống chính trị, lấy con người là trung tâm, doanh nghiệp là chủ thể, bảo đảm hài hoà mục tiêu phát triển kinh tế đi đôi với tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường; gắn kết chặt chẽ và đồng bộ với quá trình đô thị hoá, xây dựng nông thôn mới, đổi mới mô hình tăng trưởng và cơ cấu lại nền kinh tế.

(3) Công nghiệp hoá, hiện đại hoá phải khai thác và phát huy tốt nhất tiềm năng, lợi thế của đất nước, của từng vùng và địa phương; lợi thế của nước đi sau và đang trong thời kỳ dân số vàng; kết hợp đồng bộ, hiệu quả giữa phát triển tuần tự với đi tắt đón đầu; chuyển dịch nhanh từ gia công, lắp ráp sang sáng tạo, thiết kế và sản xuất tại Việt Nam; công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn là một nhiệm vụ ưu tiên hàng đầu; chú trọng dịch vụ hoá các ngành công nghiệp. Coi chuyển đổi số là phương thức mới có tính đột phá để rút ngắn quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

(4) Thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá cần có lộ trình và bước đi cụ thể, có trọng tâm, trọng điểm; ưu tiên nguồn lực, có các cơ chế, chính sách đột phá, phù hợp để phát triển các cực tăng trưởng, các ngành công nghiệp nền tảng, công nghiệp ưu tiên, các ngành dịch vụ có giá trị gia tăng cao; tăng cường liên kết ngành và liên kết vùng; coi nguồn lực trong nước là cơ bản, chiến lược, lâu dài và quyết định, nguồn lực bên ngoài là quan trọng, đột phá; doanh nghiệp trong nước (bao gồm cả doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp tư nhân) là động lực chính, chủ đạo; doanh nghiệp FDI có vai trò quan trọng.

(5) Trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá phải bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô; chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng, hiệu quả; khơi dậy khát vọng phát triển, tinh thần khởi nghiệp quốc gia, đổi mới sáng tạo; phát huy giá trị văn hoá truyền thống, bản lĩnh con người Việt Nam và vai trò xung kích, đi đầu của đội ngũ doanh nghiệp, doanh nhân và giai cấp công nhân hiện đại.

**2.2. Mục tiêu tổng quát đến năm 2030:** Phấn đấu hoàn thành các tiêu chí của nước công nghiệp, trở thành nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao, đời sống mọi mặt của nhân dân được nâng cao. Xây dựng được nền công nghiệp quốc gia hiện đại, vững mạnh, từng bước làm chủ được công nghệ lõi, công nghệ nền của các ngành công nghiệp nền tảng, công nghiệp ưu tiên; nông nghiệp phát triển nhanh, bền vững theo hướng sinh thái, ứng dụng mạnh mẽ khoa học, công nghệ tiên tiến; các ngành dịch vụ được cơ cấu lại đồng bộ, hiệu quả trên nền tảng công nghệ hiện đại, công nghệ số với chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh cao, hình thành được nhiều ngành dịch vụ mới, có giá trị gia tăng cao.

*Một số chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2030:* Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân khoảng 7%/năm; GDP bình quân đầu người theo giá hiện hành đạt khoảng 7.500 USD; GNI bình quân đầu người theo giá hiện hành đạt trên 7.000 USD. Đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế ở mức trên 50%; chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu (GII) thuộc nhóm 40 nước dẫn đầu thế giới. Tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội



dưới 20%; tỉ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 35 - 40%; tỉ lệ đạt khoảng 260 sinh viên trên một vạn dân. Thuộc nhóm 3 nước dẫn đầu ASEAN về năng lực cạnh tranh công nghiệp; tỉ trọng công nghiệp đạt trên 40% GDP; tỉ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo đạt khoảng 30% GDP; tỉ trọng giá trị sản phẩm công nghiệp công nghệ cao trong các ngành chế biến, chế tạo đạt trên 45%; giá trị gia tăng công nghiệp chế tạo, chế biến bình quân đầu người đạt trên 2.000 USD. Hình thành được một số tập đoàn, doanh nghiệp công nghiệp trong nước có quy mô lớn, đa quốc gia, có năng lực cạnh tranh quốc tế trong các ngành công nghiệp ưu tiên, công nghiệp mũi nhọn; xây dựng và phát triển một số cụm liên kết ngành công nghiệp trong nước có quy mô lớn, có năng lực cạnh tranh quốc tế; làm chủ một số chuỗi giá trị công nghiệp, nông nghiệp. Xây dựng được ngành công nghiệp quốc phòng, an ninh tự lực, tự cường, lưỡng dụng, hiện đại. Tỉ trọng kinh tế số đạt khoảng 30% GDP. Chỉ số phát triển chính phủ điện tử, chính phủ số thuộc nhóm 30 nước dẫn đầu theo xếp hạng của Liên hợp quốc. Tỉ lệ người dân trong độ tuổi lao động được đào tạo kỹ năng số cơ bản đạt trên 80%. Tỉ lệ đô thị hoá đạt trên 50%. Chỉ số phát triển con người (HDI) duy trì trên 0,7. Phân đấu đạt được các chỉ tiêu về sử dụng hiệu quả tài nguyên (đất, nước, khoáng sản), tái sử dụng, tái chế chất thải tương đương với các nước dẫn đầu ASEAN; chỉ số hiệu quả môi trường (EPI) đạt trên 55. Môi trường kinh doanh được xếp vào nhóm 30 quốc gia hàng đầu theo đánh giá của Ngân hàng Thế giới.

**2.3. Tầm nhìn đến năm 2045:** Việt Nam hoàn thành quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá; trở thành nước phát triển, có thu nhập cao, xã hội văn minh, phồn vinh, hạnh phúc.

### **3. Nhiệm vụ và giải pháp**

***(1) Đổi mới tư duy, nhận thức đầy đủ và sâu sắc về công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước trong giai đoạn mới***

Xác định nội dung cốt lõi của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước giai đoạn 2021 - 2030 là thúc đẩy ứng dụng mạnh mẽ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, nhất là thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư để tạo ra các bứt phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của các ngành, lĩnh vực và cả nền kinh tế. Giai đoạn 2031 - 2045, tập trung nâng cao chất lượng công nghiệp hoá và đẩy mạnh hiện đại hoá toàn diện trên tất cả các lĩnh vực của nền kinh tế và đời sống xã hội. Cụ thể hoá các quan điểm, gắn kết các mục tiêu, nhiệm vụ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước với quá trình hoàn thiện và thực hiện các chính sách, pháp luật, hệ thống quy hoạch quốc gia, các chiến lược, kế hoạch liên quan.

***(2) Xây dựng và hoàn thiện cơ chế, chính sách thúc đẩy công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước***

Đẩy nhanh thể chế hoá các nghị quyết, kết luận của Đảng có liên quan đến công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Thể chế hoá và tổ chức thực thi hiệu quả các cam kết trong hội nhập kinh tế quốc tế nhằm hoàn thiện nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đầy đủ, hiện đại, hội nhập. Xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật về phát triển công nghiệp quốc gia và các lĩnh vực công nghiệp đặc thù như công nghiệp công nghệ số, công nghiệp quốc phòng, an ninh, năng lượng... Rà soát, sửa đổi, bổ sung, ban hành mới hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về doanh nghiệp, thương mại, đầu tư, kinh doanh, khởi nghiệp sáng tạo, sở hữu trí tuệ... Hoàn thiện các chính sách khuyến khích và tạo điều kiện phát triển các ngành công nghiệp nền tảng, công nghiệp ưu tiên theo hướng bổ sung các chính sách về phát triển vùng nguyên liệu, về công nghệ, vốn đầu tư, mua bán, sáp nhập doanh nghiệp. Có chính sách đột phá để thu hút đầu tư tư nhân, đầu tư nước ngoài đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

Có định hướng chiến lược và các cơ chế, chính sách đột phá thúc đẩy chuyển giao công nghệ, nâng cao năng lực hấp thụ, nghiên cứu, tiến tới làm chủ các công nghệ lõi, công nghệ nền trong một số lĩnh vực; thực hiện chính sách khuyến khích mạnh mẽ về thuế, tín dụng đối với lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo. Hoàn thiện cơ chế, chính sách, thí điểm thực hiện các cơ chế đặc thù để tạo đột phá cho phát triển kết cấu hạ tầng, nhất là về đường bộ, đường sắt. Nghiên cứu hình thành quỹ phát triển hạ tầng. Tiếp tục hoàn thiện các tiêu chí giám sát, đánh giá, xếp loại doanh nghiệp nhà nước và người quản lý theo mục tiêu và hiệu quả tổng thể. Rà soát, hoàn thiện các quy định về hàng rào kỹ thuật; nghiên cứu, xây dựng quy định pháp luật điều chỉnh về phòng vệ thương mại.

***(3) Xây dựng nền công nghiệp quốc gia vững mạnh, tự lực, tự cường; nâng cao năng lực ngành xây dựng***

Đẩy nhanh thực hiện các chủ trương của Đảng về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia. Tiếp tục cơ cấu lại ngành công nghiệp theo hướng chú trọng xây dựng năng lực nội sinh dựa trên cơ sở tự chủ về nguyên liệu, sản xuất và thị trường để hình thành năng lực sản xuất quốc gia mới, phát triển các ngành công nghiệp có giá trị gia tăng cao và phát thải cacbon thấp. Điều chỉnh phân bố không gian phát triển công nghiệp của vùng, địa phương theo hướng gắn với các hành lang kinh tế trọng điểm, phù hợp với quy hoạch tổng thể quốc gia, lợi thế của từng vùng, bảo đảm tính chuyên môn hoá cao.

Xây dựng và triển khai Chương trình quốc gia về nâng cao năng lực độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường của nền sản xuất Việt Nam đến năm 2045. Quy hoạch và có cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển khu công nghiệp hỗ trợ, khu, cụm công nghiệp chuyên biệt cho một số ngành công nghiệp nền tảng, công nghiệp ưu tiên. Cơ cấu lại các cơ sở công nghiệp quốc phòng, hình thành

các cơ sở công nghiệp an ninh bảo đảm tinh gọn, hiệu quả, hiện đại theo hướng lưỡng dụng. Phát triển ngành công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng đáp ứng cơ bản nhu cầu trong nước, hạn chế xuất khẩu những sản phẩm sử dụng nhiều năng lượng, nguyên liệu, nhiên liệu là tài nguyên khoáng sản không tái tạo, ưu tiên phát triển mạnh các vật liệu xanh, vật liệu mới.

***(4) Đẩy nhanh công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn; tiếp tục cơ cấu lại ngành dịch vụ dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo***

Triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả nghị quyết của Trung ương về nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Tiếp tục phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hoá lớn, gắn với công nghiệp chế biến và thị trường; chuyên dịch cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng tăng nhanh tỉ trọng giá trị sản phẩm và lao động các ngành công nghiệp và dịch vụ, tổ chức lại sản xuất theo chuỗi giá trị. Phát triển công nghiệp hỗ trợ và dịch vụ logistic phục vụ nông nghiệp. Khuyến khích phát triển công nghiệp cơ khí, hoá chất và công nghệ sinh học phục vụ sản xuất nông nghiệp và chế biến nông, lâm, thủy sản. Phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn, kết nối nông thôn với đô thị, nhất là hạ tầng giao thông vận tải, hạ tầng kho bãi phục vụ phát triển sản xuất, bảo quản, chế biến nông sản. Thúc đẩy dịch vụ hoá các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo. Xây dựng hệ sinh thái dịch vụ trong các lĩnh vực tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, pháp lý, y tế, giáo dục - đào tạo, viễn thông và công nghệ thông tin, logistics và vận tải, phân phối...

***(5) Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong tình hình mới***

Đẩy nhanh thể chế hoá và cụ thể hoá các chủ trương, định hướng của Đảng về phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; phát triển thị trường khoa học, công nghệ. Có lộ trình tăng tỉ lệ chi từ ngân sách nhà nước tính trên GDP cho nghiên cứu và phát triển. Xây dựng và phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo quốc gia và hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo mở. Thực hiện thí điểm cơ chế, chính sách mới, đặc thù về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tại một số địa phương, trường đại học, viện nghiên cứu làm cơ sở để phổ biến và nhân rộng. Chú trọng đầu tư, chuẩn bị trước một bước nguồn nhân lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong tương lai. Xây dựng và triển khai chương trình đào tạo chuyên gia, nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực công nghiệp nền tảng, công nghiệp ưu tiên. Quan tâm đào tạo, nâng cao trình độ lao động nông thôn; phát triển nhân lực nghiên cứu, chuyên gia trong nông nghiệp.

***(6) Phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại; thúc đẩy đô thị hoá nhanh và bền vững gắn kết chặt chẽ và tạo động lực cho đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước***

Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại cả về kinh tế và xã hội; ưu tiên phát triển một số công trình hạ tầng trọng điểm quốc gia và vùng về giao thông, thích ứng với biến đổi khí hậu, năng lượng, hạ tầng số. Phát triển hệ thống đường cao tốc đạt mục tiêu 5.000 km vào năm 2030. Nghiên cứu, sớm đầu tư xây dựng tuyến đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam, các tuyến đường sắt đô thị tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh; kết nối đồng bộ hệ thống giao thông với các khu kinh tế, khu công nghiệp, cảng hàng không, cảng biển. Xây dựng và triển khai chiến lược phát triển hạ tầng số, quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông cho giai đoạn tới theo định hướng hạ tầng số là hạ tầng thiết yếu, bảo đảm an toàn thông tin mạng là then chốt. Khuyến khích phát triển các mô hình khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ, nhất là tại các đô thị, vùng đô thị có mật độ dân số cao.

***(7) Phát triển các thành phần kinh tế nhằm thúc đẩy công nghiệp hoá, hiện đại hoá***

Xây dựng và triển khai định hướng phát triển một số tập đoàn kinh tế, doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp tư nhân trong nước có quy mô lớn. Từng bước hình thành và phát triển các tổ hợp công nghiệp quốc phòng quy mô lớn, liên kết chặt chẽ với công nghiệp dân sinh. Thực hiện đặt hàng, giao nhiệm vụ cho một số tập đoàn, doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp tư nhân lớn, có đủ năng lực thực hiện một số nhiệm vụ có tính chiến lược, dẫn dắt quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Xây dựng tiêu chí để phân cấp, phân quyền thu hút FDI giữa Trung ương và địa phương. Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của kinh tế tập thể, nòng cốt là các hợp tác xã; ưu tiên phát triển các tổ chức kinh tế tập thể gắn với phát triển nông nghiệp công nghệ cao, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn.

***(8) Đổi mới chính sách tài chính, tín dụng thúc đẩy công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước nhanh, bền vững***

Khơi thông các nguồn lực tài chính quốc gia, tăng cường huy động các nguồn lực ngoài ngân sách nhà nước. Tiếp tục cơ cấu lại chi ngân sách nhà nước theo hướng bền vững. Nâng cao hiệu quả đầu tư công. Ưu tiên nguồn lực đầu tư cho phát triển hạ tầng liên kết vùng, hạ tầng năng lượng, chuyển đổi số, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Điều chỉnh, tập trung tín dụng chủ yếu vào các lĩnh vực sản xuất, các ngành công nghiệp nền tảng, công nghiệp ưu tiên, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; phát triển mạnh tài chính xanh, tín dụng xanh.

***(9) Quản lý sử dụng hiệu quả, tiết kiệm tài nguyên, bảo vệ môi trường, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu; tăng cường hội nhập quốc tế sâu rộng, hiệu quả đi đôi với bảo vệ và phát triển thị trường trong nước***

Khai thác và sử dụng tài nguyên hiệu quả, đẩy mạnh phát triển công nghiệp tái chế. Quản lý chặt chẽ và toàn diện việc sử dụng quặng và chất thải chứa kim loại màu, nguyên tố đất hiếm. Có chiến lược phát triển khai thác, chế biến quặng đất hiếm và một số loại khoáng sản có giá trị cao mà Việt Nam có lợi thế cạnh tranh. Phát triển mạnh ngành công nghiệp môi trường. Mở rộng phạm vi, tăng tỉ trọng mua sắm chính phủ đối với sản phẩm thân thiện môi trường. Khuyến khích phát triển dịch vụ cải tạo, phục hồi môi trường, hệ sinh thái tự nhiên. Có lộ trình phù hợp để giảm tối đa, tiến tới không sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần. Nghiên cứu, thử nghiệm áp dụng hệ thống hạch toán vốn tự nhiên trong nền kinh tế theo thông lệ quốc tế và phù hợp với thực tiễn Việt Nam. Tận dụng, khai thác hiệu quả mạng lưới các đối tác chiến lược, toàn diện để xây dựng và triển khai các chiến lược, chương trình, kế hoạch công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Chủ động xây dựng và hoàn thiện hệ thống phòng vệ để bảo vệ nền kinh tế, doanh nghiệp, thị trường trong nước phù hợp với các cam kết quốc tế và yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

***(10) Phát huy giá trị văn hoá, bản lĩnh con người Việt Nam; xây dựng giai cấp công nhân hiện đại, lớn mạnh, lực lượng doanh nhân xung kích, đi đầu trong công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước***

Xây dựng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hoá và chuẩn mực con người gắn với giữ gìn, phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam. Phát triển nhanh, bền vững, hiệu quả các ngành công nghiệp văn hoá và dịch vụ văn hoá. Có cơ chế, chính sách sớm khắc phục khoảng cách chênh lệch về hạ tầng văn hoá giữa thành thị và nông thôn, đồng bằng và miền núi, biên giới, hải đảo. Xây dựng nền an sinh xã hội tiên tiến, hiện đại, bảo đảm không ai bị bỏ lại phía sau. Quan tâm chăm lo đời sống vật chất, tinh thần, nhà ở và phúc lợi xã hội cho công nhân; bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của công nhân. Tiếp tục đổi mới công tác đưa người lao động và chuyên gia Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài. Nâng cao nhận thức và phát huy vai trò của đội ngũ doanh nhân Việt Nam trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Xây dựng văn hoá kinh doanh Việt Nam tiên tiến, giàu bản sắc và hội nhập quốc tế.

#### **IV- TIẾP TỤC XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TRONG GIAI ĐOẠN MỚI**

Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã thảo luận và thống nhất ban hành Nghị quyết về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới, với những nội dung cơ bản sau:

## 1. Tình hình

Sau hơn 35 năm đổi mới và 30 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, công cuộc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã đạt được những thành tựu rất quan trọng. Nhận thức, lý luận về Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngày càng thống nhất, sâu sắc hơn. Hệ thống pháp luật hoàn thiện một bước cơ bản; vai trò của pháp luật và thực thi pháp luật ngày càng được chú trọng. Cơ chế phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp có chuyển biến tích cực. Bộ máy nhà nước từng bước được tinh gọn, hoạt động hiệu quả. Tổ chức, hoạt động của Quốc hội có nhiều đổi mới, chất lượng, hiệu quả được nâng cao. Hoạt động của Chính phủ chủ động, tích cực, tập trung hơn vào quản lý, điều hành vĩ mô. Cải cách hành chính, cải cách tư pháp có bước đột phá trên một số lĩnh vực; tổ chức bộ máy của toà án nhân dân, viện kiểm sát nhân dân, cơ quan điều tra, thi hành án, hỗ trợ tư pháp tiếp tục được kiện toàn, chất lượng hoạt động không ngừng được nâng lên. Quyền con người, quyền công dân tiếp tục được cụ thể hoá bằng Hiến pháp, pháp luật và thực hiện trên thực tế; dân chủ trực tiếp và dân chủ đại diện được tăng cường. Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội từng bước được đổi mới, phát huy. Mô hình Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã hình thành trên thực tế, với cơ chế vận hành tổng quát "Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý và nhân dân làm chủ", góp phần quan trọng vào những thành tựu to lớn của sự nghiệp đổi mới đất nước...

Tuy nhiên, công cuộc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam vẫn còn những hạn chế, bất cập, có mặt chưa đáp ứng tốt yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và quản lý đất nước trong tình hình mới. Một số vấn đề lý luận và thực tiễn chưa được luận giải một cách đầy đủ và thuyết phục; ý thức chấp hành pháp luật còn chưa nghiêm; cơ chế bảo đảm vai trò chủ thể, quyền làm chủ của nhân dân, các quyền con người, quyền công dân có mặt chưa được phát huy đầy đủ; cải cách hành chính, cải cách tư pháp chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu phát triển đất nước; tổ chức bộ máy nhà nước, hệ thống pháp luật còn một số bất cập, chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Quyền lực nhà nước chưa được kiểm soát hiệu quả, cơ chế kiểm soát quyền lực chưa hoàn thiện, vai trò giám sát của nhân dân chưa được phát huy mạnh mẽ.

Nguyên nhân cơ bản là do việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam là vấn đề mới, rộng lớn, phức tạp, lâu dài; công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu, hoàn thiện lý luận chưa được quan tâm đúng mức; ý thức thượng tôn Hiến pháp và pháp luật của một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân còn hạn chế; quyết tâm chính trị, công tác lãnh đạo, chỉ đạo của một số cấp uỷ, chính quyền trong thực hiện các chủ trương, nhiệm vụ về xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam chưa cao.

## 2. Quan điểm

(1) Kiên định và vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; kiên định sự lãnh đạo, đường lối đổi mới của Đảng. Nắm vững và xử lý tốt các mối quan hệ lớn giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý và nhân dân làm chủ; giữa Nhà nước, thị trường và xã hội; giữa thực hành dân chủ xã hội chủ nghĩa và tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội. Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân là nhiệm vụ trọng tâm của đổi mới hệ thống chính trị; phải đặt trong tổng thể công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và đổi mới hệ thống chính trị nhằm thực hiện thắng lợi sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

(2) Thực hiện nhất quán nguyên tắc tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân, phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam; quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công rành mạch, phối hợp chặt chẽ, kiểm soát hiệu quả giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp và sự giám sát của nhân dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng.

(3) Bảo đảm thượng tôn Hiến pháp và pháp luật. Nhà nước được tổ chức và hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật, quản lý xã hội bằng Hiến pháp và pháp luật, đồng thời coi trọng giáo dục, nâng cao đạo đức xã hội chủ nghĩa; thể chế hoá kịp thời, đầy đủ và tổ chức thực hiện có hiệu quả đường lối, chủ trương, nghị quyết của Đảng. Con người là trung tâm, mục tiêu, chủ thể và động lực phát triển đất nước; tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền công dân.

(4) Bám sát thực tiễn Việt Nam và xu thế phát triển của thời đại, kế thừa những thành tựu đã đạt được, tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm quốc tế phù hợp với Việt Nam; kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước với sức mạnh quốc tế, bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, an ninh quốc gia và chế độ xã hội chủ nghĩa.

(5) Bảo đảm tổng thể, đồng bộ, liên thông giữa đổi mới lập pháp, cải cách hành chính, cải cách tư pháp; kết hợp hài hoà giữa kế thừa, ổn định với đổi mới, phát triển; tiến hành khẩn trương, nhất quán, có trọng tâm, trọng điểm, có lộ trình và bước đi vững chắc. Những vấn đề thực tiễn đòi hỏi, đã đủ rõ, chín muồi thì kiên quyết thực hiện; những vấn đề chưa đủ rõ thì tiếp tục nghiên cứu, thực hiện thí điểm, tổng kết thực tiễn để làm rõ, từng bước hoàn thiện, mở rộng; những chủ trương đã thực hiện, nhưng thực tiễn khẳng định là không phù hợp thì nghiên cứu điều chỉnh, sửa đổi kịp thời. Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, huy động sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị với quyết tâm cao, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt, kiên trì, hiệu quả.

### 3. Mục tiêu

*a) Mục tiêu tổng quát:* Hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo; có hệ thống pháp luật hoàn thiện, được thực hiện nghiêm minh, nhất quán; thượng tôn Hiến pháp và pháp luật, tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ hiệu quả quyền con người, quyền công dân; quyền lực nhà nước được phân công rành mạch, phối hợp chặt chẽ, kiểm soát hiệu quả; nền hành chính, tư pháp chuyên nghiệp, pháp quyền, hiện đại; bộ máy nhà nước tinh gọn, trong sạch, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có đủ phẩm chất, năng lực; thực sự chuyên nghiệp, liêm chính; quản trị quốc gia hiện đại, hiệu quả; đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước nhanh, bền vững, trở thành nước phát triển, có thu nhập cao theo định hướng xã hội chủ nghĩa vào năm 2045.

*b) Mục tiêu cụ thể đến năm 2030:* Hoàn thiện cơ bản các cơ chế bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền công dân; thượng tôn Hiến pháp và pháp luật trở thành chuẩn mực ứng xử của mọi chủ thể trong xã hội; hệ thống pháp luật dân chủ, công bằng, nhân đạo, đầy đủ, đồng bộ, thống nhất, kịp thời, khả thi, công khai, minh bạch, ổn định và cơ chế bảo đảm thực hiện pháp luật nghiêm minh, nhất quán, mở đường cho đổi mới sáng tạo và kiến tạo phát triển bền vững; cơ chế phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp, bảo đảm quyền lực nhà nước là thống nhất, được kiểm soát hiệu quả.

- Tiếp tục đổi mới tổ chức và nâng cao chất lượng hoạt động của Quốc hội; bảo đảm Quốc hội thực sự là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, nâng cao hiệu quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Hiến pháp năm 2013.

- Hoàn thành cơ bản việc xây dựng nền hành chính nhà nước phục vụ nhân dân, dân chủ, pháp quyền, chuyên nghiệp, hiện đại, trong sạch, vững mạnh, công khai, minh bạch; bảo đảm Chính phủ là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất, thực hiện quyền hành pháp, cơ quan chấp hành của Quốc hội; phân cấp, phân quyền hợp lý giữa Trung ương và địa phương; cơ bản hoàn thiện tổ chức chính quyền địa phương.

- Cải cách tư pháp đạt được bước tiến rõ rệt; hoàn thành cơ bản việc xây dựng nền tư pháp chuyên nghiệp, hiện đại, công bằng, nghiêm minh, liêm chính, phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân, bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của tổ chức, cá nhân.

- Tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước cơ bản tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên nghiệp, liêm chính.



#### **4. Trọng tâm**

- Hoàn thiện hệ thống pháp luật và cơ chế tổ chức thực hiện pháp luật nghiêm minh; bảo đảm thượng tôn Hiến pháp và pháp luật; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực pháp luật.

- Hoàn thiện cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước, đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; tăng cường phân cấp, phân quyền, xây dựng tổ chức bộ máy nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

- Đẩy mạnh cải cách tư pháp, bảo đảm tính độc lập của toà án theo thẩm quyền xét xử; thẩm phán, hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật.

#### **5. Nhiệm vụ và giải pháp**

##### ***5.1. Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến, giáo dục, nâng cao nhận thức về Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam***

- Tăng cường công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu, xây dựng hệ thống lý luận đầy đủ, toàn diện về Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến, giáo dục nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và nhân dân về Hiến pháp và pháp luật, về yêu cầu tiếp tục xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới...

##### ***5.2. Bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân, thượng tôn Hiến pháp, tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền công dân***

- Thể chế hoá đầy đủ và thực hiện hiệu quả cơ chế nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước bằng dân chủ đại diện, dân chủ trực tiếp. Phát huy dân chủ đi đôi với tăng cường pháp chế, đề cao đạo đức xã hội và trách nhiệm công dân, đấu tranh kiên quyết với những biểu hiện dân chủ cực đoan, dân chủ hình thức; xử lý nghiêm mọi hành vi lợi dụng dân chủ để xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

- Kiên trì xây dựng ý thức và lối sống thượng tôn Hiến pháp, pháp luật trong cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và toàn xã hội.

- Tiếp tục thể chế hoá kịp thời, đầy đủ quan điểm, chủ trương của Đảng và quy định của Hiến pháp năm 2013 về quyền con người, quyền công dân...

##### ***5.3. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật và cơ chế tổ chức thực hiện pháp luật nghiêm minh, hiệu quả, bảo đảm yêu cầu phát triển đất nước nhanh và bền vững***

- Đẩy nhanh việc xây dựng hệ thống pháp luật dân chủ, công bằng, nhân đạo, đầy đủ, kịp thời, đồng bộ, thống nhất, khả thi, công khai, minh bạch, ổn định, dễ tiếp cận.

- Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện quy trình xây dựng pháp luật, nâng cao tính chuyên nghiệp, khoa học, bảo đảm kịp thời, khả thi, hiệu quả. Tăng cường kiểm tra, giám sát, xử lý văn bản quy phạm trái pháp luật; đề cao trách nhiệm, nhất là người đứng đầu trong xây dựng pháp luật, chống tiêu cực, "lợi ích nhóm" ngay trong công tác xây dựng pháp luật.

- Đổi mới cơ chế thi hành pháp luật, gắn kết chặt chẽ giữa xây dựng pháp luật với thực hiện pháp luật, bảo đảm pháp luật được thực hiện công bằng, nghiêm minh, nhất quán, kịp thời, hiệu lực, hiệu quả. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, phát hiện và xử lý nghiêm minh, kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật. Phát triển nguồn nhân lực pháp luật, hiện đại hoá phương thức, phương tiện xây dựng pháp luật và tổ chức thực hiện pháp luật...

#### ***5.4. Tiếp tục đổi mới tổ chức, nâng cao chất lượng hoạt động của Quốc hội***

- Tiếp tục xây dựng Quốc hội thực sự là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất; bảo đảm Quốc hội thực hiện tốt chức năng lập pháp, quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước, giám sát tối cao đối với hoạt động của Nhà nước.

- Đề cao vai trò trung tâm của đại biểu Quốc hội, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động, đổi mới cơ cấu đại biểu Quốc hội. Tiếp tục đổi mới tổ chức, hoạt động của Quốc hội; xây dựng Quốc hội điện tử.

- Tiếp tục đổi mới căn bản, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động lập pháp; quy định rõ hơn quy trình xây dựng chính sách, phân định rõ quy trình lập pháp và quy trình xây dựng văn bản dưới luật.

- Xác định rõ hơn phạm vi, đối tượng, phương pháp, hình thức giám sát tối cao của Quốc hội; đổi mới việc lấy phiếu tín nhiệm của Quốc hội.

- Đổi mới quy trình quyết định về ngân sách nhà nước, từng bước thay thế việc ban hành các nghị quyết bằng các đạo luật về tài chính, ngân sách...

#### ***5.5. Tiếp tục hoàn thiện chế định Chủ tịch nước***

Nhận thức đúng, đầy đủ, sâu sắc về vị trí, quyền hạn, nhiệm vụ của Chủ tịch nước với vai trò là nguyên thủ quốc gia. Tiếp tục nghiên cứu, làm rõ hơn nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch nước theo Hiến pháp năm 2013.

#### ***5.6. Tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của Chính phủ, chính quyền địa phương; xây dựng nền hành chính nhà nước phục vụ nhân dân, chuyên nghiệp, pháp quyền, hiện đại, hiệu lực, hiệu quả***

- Tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của Chính phủ theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Phát huy đầy đủ vị trí, vai trò của Chính phủ

là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất, thực hiện quyền hành pháp, là cơ quan chấp hành của Quốc hội.

- Xác định rõ và thực hiện đầy đủ vị trí, vai trò, thẩm quyền, trách nhiệm của Chính phủ trong xây dựng pháp luật, tăng cường sự kiểm soát của Chính phủ đối với việc thực hiện quyền lập pháp.

- Xây dựng nền hành chính phục vụ nhân dân, dân chủ, pháp quyền, chuyên nghiệp, hiện đại, khoa học, trong sạch, công khai, minh bạch, tạo môi trường thông thoáng, thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp.

- Hoàn thiện tổ chức chính quyền địa phương phù hợp với các địa bàn nông thôn, miền núi, đô thị, hải đảo, đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt. Đẩy mạnh sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã; rà soát, sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh phù hợp với quy hoạch tổng thể các đơn vị hành chính các cấp...

- Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền khoa học, hợp lý, đi đôi với nâng cao trách nhiệm, gắn với bảo đảm nguồn lực, năng lực thực hiện pháp luật cho các địa phương và các bộ, cơ quan ngang bộ; tăng cường kiểm tra, giám sát; bảo đảm sự quản lý thống nhất của Chính phủ, phát huy vai trò chủ động, sáng tạo, tự chịu trách nhiệm của từng địa phương và các bộ.

- Tập trung phát triển toàn diện và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của nền hành chính quốc gia; cải cách mạnh mẽ chế độ công vụ, công chức...

### ***5.7. Xây dựng nền tư pháp chuyên nghiệp, hiện đại, công bằng, nghiêm minh, liêm chính, phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân***

- Hoàn thiện chính sách, pháp luật liên quan đến tư pháp. Xác định đúng thẩm quyền của toà án để thực hiện đầy đủ, đúng đắn quyền tư pháp.

- Phân định rõ nhiệm vụ xét xử sơ thẩm, xét xử phúc thẩm, xét lại bản án, quyết định theo thủ tục giám đốc thẩm; xây dựng toà án điện tử.

- Xây dựng chế định tố tụng tư pháp lấy xét xử là trung tâm, tranh tụng là đột phá; bảo đảm tố tụng tư pháp dân chủ, công bằng, văn minh, hiện đại, nghiêm minh, dễ tiếp cận. Nâng cao hiệu quả cơ chế nhân dân tham gia xét xử tại Toà án.

- Hoàn thiện thể chế để viện kiểm sát nhân dân tiếp tục thực hiện tốt chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp.

- Tiếp tục rà soát, điều chỉnh, hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của cơ quan điều tra và các cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra theo hướng tinh, gọn, chuyên nghiệp, hiệu lực, hiệu quả.

- Tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của hệ thống cơ quan thi hành án. Hoàn thiện cơ chế nâng cao chất lượng, hiệu quả thi hành án dân sự, hành chính.

- Hoàn thiện thể chế về luật sư và hành nghề luật sư; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, trách nhiệm tự quản của tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư. Tiếp tục hoàn thiện cơ chế huy động các nguồn lực để xã hội hoá và phát triển các lĩnh vực công chứng, hoà giải, trọng tài, thừa phát lại, giám định tư pháp. Nâng cao vai trò, tính chuyên nghiệp và chất lượng trợ giúp pháp lý.

- Phát triển nhân lực tư pháp đủ về số lượng, bảo đảm chất lượng. Nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực tư pháp. Đổi mới chính sách tiền lương, thời hạn bổ nhiệm và cơ chế bảo đảm để đội ngũ cán bộ tư pháp thực sự liêm chính, công tâm, chuyên nghiệp.

### **5.8. Hoàn thiện cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước; đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực**

- Hoàn thiện cơ chế thực thi quyền lực nhà nước. Mọi quyền lực phải được kiểm soát chặt chẽ bằng cơ chế; lạm dụng, lợi dụng quyền lực phải bị truy cứu trách nhiệm và xử lý vi phạm.

- Kết hợp chặt chẽ, hiệu quả các cơ chế kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực nhà nước của Đảng, của Nhà nước và của nhân dân.

- Kiên quyết, kiên trì đấu tranh, ngăn chặn, đẩy lùi tham nhũng, tiêu cực. Hình thành cơ chế phòng ngừa chặt chẽ để *không thể* tham nhũng, tiêu cực; phát hiện, xử lý kịp thời, nghiêm minh các hành vi tham nhũng, tiêu cực để *không dám* tham nhũng, tiêu cực; đẩy mạnh cải cách chính sách tiền lương, có cơ chế bảo đảm để *không cần* tham nhũng, tiêu cực; xây dựng văn hoá liêm chính, tiết kiệm để *không muốn* tham nhũng, tiêu cực.

### **5.9. Tăng cường, chủ động hội nhập quốc tế đáp ứng yêu cầu xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam và yêu cầu bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới**

- Tiếp tục hoàn thiện cơ chế để chủ động, tích cực hội nhập quốc tế toàn diện và sâu rộng trên cơ sở đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hoà bình, hợp tác và phát triển; giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, an ninh quốc gia và chế độ xã hội chủ nghĩa.

- Nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo nguồn nhân lực hợp tác pháp luật quốc tế; hoàn thiện cơ chế pháp lý về bảo hộ, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của công dân, pháp nhân Việt Nam ở nước ngoài.

- Tăng cường công tác thông tin đối ngoại về chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, những thành tựu trong xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

### **5.10. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và nhân dân trong xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam**

- Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng. Tiếp tục cụ thể hoá, thể chế hoá, hoàn thiện, thực hiện tốt cơ chế "*Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý và nhân dân làm chủ*" và phương châm "*dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng*".

- Tiếp tục đổi mới tổ chức bộ máy, cơ chế hoạt động để phát huy đầy đủ, hiệu quả vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội trong xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam...

## **V- TỔNG KẾT 15 NĂM THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT TRUNG ƯƠNG 5 KHÓA X VỀ TIẾP TỤC ĐỔI MỚI PHƯƠNG THỨC LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG ĐỐI VỚI HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ**

Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã thảo luận và thống nhất ban hành Nghị quyết về tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng đối với hệ thống chính trị trong giai đoạn mới, với những nội dung cơ bản sau:

### **1. Về tình hình**

Thời gian qua, Đảng ta luôn quan tâm đổi mới phương thức lãnh đạo đối với hệ thống chính trị. Đảng đã thông qua Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) và ban hành nhiều chủ trương, nghị quyết, quy định, quy chế quan trọng liên quan đến phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng<sup>(1)</sup>. Trong đó, việc ban hành và tổ chức thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khoá X về *tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của hệ thống chính trị* đã đạt được những kết quả quan trọng; tổ chức đảng, đảng viên nêu cao tinh thần trách nhiệm của tập thể, tính tiên phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên và người đứng đầu trong tuyên truyền, vận động, chấp hành, thực hiện có hiệu quả đường lối, chủ trương, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ; bảo đảm cơ chế "*Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ*", tạo sự thống nhất trong Đảng, đồng thuận trong nhân dân.

Bên cạnh những kết quả trên, việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khoá X còn một số hạn chế. Nhận thức của một số cấp uỷ, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên về phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của hệ thống chính trị

---

<sup>(1)</sup> Ban hành 104 văn bản liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ công tác của các cơ quan, tổ chức; 27 văn bản liên quan đến các cơ quan tham mưu, giúp việc; 422 văn bản về công tác tổ chức, cán bộ; 80 văn bản về kiểm tra, giám sát; 79 văn bản về công tác tuyên truyền, vận động; 9 văn bản về trách nhiệm nêu gương. Nhà nước ban hành Hiến pháp năm 2013 và 399 văn bản pháp luật thể chế đường lối, quan điểm của Đảng.

chưa sâu sắc, đầy đủ; chưa tạo được thống nhất trong thực hiện một số chủ trương của Đảng, nhất là chủ trương mới; việc đổi mới phương thức chưa thật đồng bộ trong quá trình tổ chức thực hiện nghị quyết, chủ trương của Đảng. Một số chủ trương, định hướng lớn của Đảng chưa được thể chế kịp thời, đầy đủ, tính khả thi chưa cao; chưa khắc phục được tình trạng ban hành nhiều văn bản của Đảng; nội dung một số văn bản còn chung chung, dàn trải; một số văn bản chậm được bổ sung, sửa đổi, thay thế. Các quy định liên quan đến việc sơ kết, tổng kết, ban hành văn bản mới của Đảng chưa đầy đủ. Năng lực cụ thể hoá nghị quyết, chủ trương của Đảng của một số cấp uỷ, tổ chức đảng còn hạn chế, chưa sát với thực tiễn nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị, địa phương; việc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện hiệu quả chưa cao. Một bộ phận cán bộ, đảng viên chưa nêu cao trách nhiệm nêu gương; năng lực, phẩm chất, đạo đức, uy tín hạn chế; một bộ phận cán bộ vi phạm kỷ luật đảng, pháp luật Nhà nước, ảnh hưởng đến niềm tin của nhân dân đối với Đảng. Cải cách hành chính, đổi mới phong cách, lề lối làm việc, phân cấp, phân quyền chưa được đẩy mạnh, chưa đáp ứng yêu cầu của tình hình mới; vẫn còn tình trạng vi phạm quy định, quy chế của Đảng, cục bộ, mất đoàn kết, bao biện, làm thay, áp đặt, lạm dụng quyền lực hoặc né tránh, sợ trách nhiệm, buông lỏng vai trò lãnh đạo của Đảng.

Nguyên nhân của hạn chế, khuyết điểm là do năng lực lãnh đạo, chỉ đạo đổi mới phương thức, tổ chức thực hiện nghị quyết, chủ trương của Đảng của một số cấp uỷ, tổ chức đảng chưa đáp ứng yêu cầu. Chế độ tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách; phân cấp, phân quyền; cá thể hoá trách nhiệm của cán bộ lãnh đạo, quản lý, người đứng đầu chưa được hoàn thiện; đổi mới phong cách, lề lối làm việc, cải cách hành chính trong Đảng chưa mạnh mẽ. Công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận về phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng trong điều kiện mới chưa đầy đủ.

## **2. Quan điểm**

- Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng phải gắn với hiệu quả tổ chức thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, bảo đảm vai trò lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và xã hội, cơ chế "Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ", nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền, giữ vững các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ.

- Gắn với tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, đường lối đổi mới của Đảng, sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên của các cấp uỷ, tổ chức đảng; bảo đảm kết hợp đồng bộ, chặt chẽ, hài hoà các phương thức lãnh đạo; chấp hành nghiêm chủ trương, đường lối của Đảng.

- Đặt trong tổng thể công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; đồng bộ với phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại; xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; phát huy vai trò, quyền làm chủ của nhân dân, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, tăng cường niềm tin của nhân dân đối với Đảng.

### **3. Mục tiêu**

- Nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền đáp ứng yêu cầu lãnh đạo toàn diện của Đảng trong giai đoạn mới. Tạo sự chuyển biến mạnh mẽ, thực chất trong đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng theo hướng hiệu quả, thiết thực, sát thực tiễn. Giữ vững nguyên tắc của Đảng, đồng thời phát huy chủ động, sáng tạo của từng cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hệ thống chính trị.

- Đổi mới, nâng cao chất lượng ban hành văn bản của Đảng; kịp thời cụ thể hoá, thể chế hoá thành chính sách, pháp luật của Nhà nước, kế hoạch, chương trình của cấp uỷ, tổ chức đảng và tổ chức thực hiện có hiệu quả.

- Đề cao trách nhiệm của tập thể, cá nhân, người đứng đầu; nhận thức, trách nhiệm, sự gương mẫu của cán bộ, đảng viên trong chấp hành chủ trương, nghị quyết của Đảng. Hoàn thiện quy định, quy chế, quy trình liên quan đến tổ chức, hoạt động của Đảng; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực.

- Xây dựng phong cách làm việc khoa học, tập thể, dân chủ, trọng dân, gần dân, hiểu dân, vì dân; bám sát thực tiễn, cầu thị, học hỏi, nói đi đôi với làm; đẩy mạnh cải cách hành chính trong Đảng, bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo thông suốt của Đảng từ Trung ương đến cơ sở.

### **4. Nhiệm vụ, giải pháp**

#### ***4.1. Đổi mới, nâng cao hiệu quả tổ chức thực hiện chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng***

- Tăng cường công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội gắn với vai trò lãnh đạo, nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền và đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng.

- Các cấp uỷ, tổ chức đảng tăng cường quán triệt nghị quyết, chủ trương, chính sách của Đảng, kịp thời thể chế hoá, cụ thể hoá thành chính sách, pháp luật, chương trình, kế hoạch phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; có giải pháp thiết thực, phù hợp, khắc phục hạn chế, yếu kém, nêu cao quyết tâm tổ chức thực hiện có hiệu quả nghị quyết, chủ trương của Đảng.

- Đổi mới việc lựa chọn, ban hành nghị quyết, văn bản của Đảng theo hướng có trọng tâm, trọng điểm, chỉ ban hành nghị quyết, văn bản mới khi thật

sự cần thiết, cấp bách nhằm đáp ứng yêu cầu lãnh đạo của Đảng; xuất phát từ yêu cầu của thực tiễn, nguyện vọng chính đáng của đông đảo cán bộ, đảng viên và nhân dân. Phân công trách nhiệm cụ thể; xác định nguồn lực và tiến độ tổ chức thực hiện; chú trọng việc lấy ý kiến của cấp uỷ, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên, nhân dân đối với những vấn đề có liên quan. Tiếp tục hoàn thiện quy định, quy trình về ban hành văn bản của Đảng.

- Lãnh đạo đảng đoàn, ban cán sự đảng các cơ quan nhà nước nghiên cứu, thể chế nghị quyết, chủ trương, chính sách của Đảng thành chính sách, pháp luật của Nhà nước đáp ứng mục tiêu xây dựng hệ thống pháp luật đầy đủ, kịp thời, đồng bộ, thống nhất, khả thi, công khai, minh bạch, ổn định, lấy quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người dân, doanh nghiệp làm trọng tâm. Có giải pháp hiệu quả khắc phục tình trạng văn bản luật thiếu tính ổn định, còn chung chung, chậm ban hành văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành; đề cao trách nhiệm người đứng đầu; chống tiêu cực, lợi ích nhóm, lợi ích cục bộ trong xây dựng pháp luật. Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thể chế hoá nghị quyết, chủ trương của Đảng thành chính sách, pháp luật của Nhà nước.

- Nâng cao năng lực nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, công tác dự báo và chất lượng tham mưu, giúp việc của các ban xây dựng Đảng, nhất là trong tham mưu chiến lược hoạch định đường lối, chủ trương, chính sách lớn của Đảng.

- Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện phương thức lãnh đạo của Đảng đối với các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị.

Đối với Đảng đoàn Quốc hội, lãnh đạo công tác bầu cử, đổi mới tổ chức, nâng cao chất lượng hoạt động của Quốc hội trong việc thực hiện chức năng lập pháp, giám sát tối cao, quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước; phát huy dân chủ, pháp quyền, tăng tính chuyên nghiệp, nâng cao chất lượng đại biểu Quốc hội, nhất là đại biểu hoạt động chuyên trách.

Đối với Ban cán sự đảng Chính phủ, lãnh đạo tập trung quản lý vĩ mô, xây dựng thể chế, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, bảo đảm quản lý nhà nước thống nhất; đổi mới tổ chức và hoạt động, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, phát huy vai trò là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất, thực hiện quyền hành pháp, là cơ quan chấp hành của Quốc hội, hướng đến mục tiêu xây dựng nền hành chính nhà nước phục vụ nhân dân, dân chủ, pháp quyền, chuyên nghiệp, hiện đại, trong sạch, vững mạnh, công khai, minh bạch.

Đối với ban cán sự đảng các cơ quan tư pháp, lãnh đạo tiếp tục đổi mới tổ chức, nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Toà án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân, các cơ quan điều tra, thi hành án, hỗ trợ tư pháp đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp, xây dựng nền tư pháp chuyên nghiệp, hiện đại, công bằng, nghiêm minh, liêm chính, phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân;



hướng đến mục tiêu bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của tổ chức, cá nhân.

Đối với Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, Ban Bí thư Trung ương Đoàn, lãnh đạo đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, hướng mạnh về cơ sở, nâng cao hiệu quả công tác vận động, tuyên truyền về đường lối, chủ trương của Đảng; thực hiện tốt vai trò đại diện cho quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng, quyền làm chủ, lắng nghe, phản ánh tâm tư, nguyện vọng của đông đảo các tầng lớp nhân dân; nâng cao chất lượng các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động, hoạt động giám sát, phản biện xã hội; phát triển tổ chức, thành viên, đoàn viên, hội viên; làm cầu nối vững chắc giữa Đảng với nhân dân.

Đối với cấp uỷ địa phương, theo nhiệm vụ, quyền hạn được giao bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện của Đảng đối với hệ thống chính trị tại địa bàn được phân công đến cơ sở và cán bộ, đảng viên, nhân dân.

#### **4.2. Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác tổ chức, cán bộ**

##### **a) Về tổ chức bộ máy**

- Tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện mô hình tổng thể tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị bảo đảm cơ chế "Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ", đồng bộ với đường lối đổi mới, sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đáp ứng yêu cầu nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng.

- Hoàn thiện mô hình tổ chức và hoạt động của đảng đoàn, ban cán sự đảng, tổ chức đảng từ Trung ương đến địa phương. Đẩy mạnh phát triển tổ chức cơ sở đảng, nhất là trong khu vực ngoài nhà nước, ở xã, phường, thị trấn, thôn, tổ dân phố; sắp xếp hợp lý tổ chức đảng ở địa phương, tổ chức đảng theo ngành dọc; thành lập tổ chức đảng trong các cơ quan, tổ chức của hệ thống chính trị. Tăng cường trách nhiệm của đảng đoàn, ban cán sự đảng, các cấp uỷ đảng, tập thể lãnh đạo trong lãnh đạo thực hiện đường lối, quan điểm của Đảng gắn với chức năng, nhiệm vụ được giao. Nghiên cứu mô hình tổ chức đảng của các cơ quan dân cử và Mặt trận Tổ quốc phù hợp với tính chất hoạt động.

- Nâng cao trách nhiệm của các cấp uỷ, tổ chức đảng trong chấp hành, thực hiện có hiệu quả nghị quyết, quy định của Đảng liên quan đến tổ chức bộ máy; tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, nhất là tổ chức bộ máy của các cơ quan nhà nước. Hoàn thiện cơ chế bảo đảm kiểm soát quyền lực trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức, nhất là trong các cơ quan quản lý nhà nước, trong những lĩnh vực quan trọng, nhạy cảm, dễ bị lạm quyền, lộng quyền.

- Thực hiện nghiêm chủ trương của Đảng về công tác quản lý biên chế của hệ thống chính trị, đẩy mạnh tinh giản biên chế có trọng tâm, trọng điểm gắn với nâng cao chất lượng, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Đến năm 2025, cơ bản hoàn thiện xây dựng vị trí việc làm trong từng cơ quan, tổ chức, làm cơ sở để Bộ Chính trị quyết định tổng biên chế của hệ thống chính trị giai đoạn 2026 - 2031.

*b) Về công tác cán bộ*

- Bảo đảm nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo trực tiếp, toàn diện công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ trong hệ thống chính trị. Các cấp uỷ, tổ chức đảng phải chú trọng việc lựa chọn, bố trí cán bộ đủ tiêu chuẩn để bầu vào cấp uỷ, chức danh lãnh đạo của các cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội các cấp và lãnh đạo việc bầu cử, phê chuẩn theo quy định của pháp luật, điều lệ của các tổ chức.

- Hoàn thiện quy định, quy chế, quy trình lựa chọn, phân công, giới thiệu cán bộ của các cấp uỷ, tổ chức đảng; tổng kết thí điểm, mở rộng thi tuyển một số chức danh lãnh đạo, quản lý theo hướng dân chủ, công khai, minh bạch. Tiếp tục quy định cụ thể cơ chế tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, trách nhiệm người đứng đầu trong công tác cán bộ, nhất là trong đánh giá, giới thiệu, bổ nhiệm cán bộ.

- Tiếp tục cụ thể hoá, thể chế hoá, thực hiện có hiệu quả chủ trương của Đảng về xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ, bảo đảm sự chuyển tiếp liên tục, vững vàng giữa các thế hệ.

- Có giải pháp thiết thực để khắc phục được hạn chế, yếu kém, hình thức trong công tác đánh giá cán bộ gắn với chất lượng, hiệu quả công việc được giao; bản lĩnh chính trị, ý thức trách nhiệm, uy tín trong tập thể, trong nhân dân; gắn đánh giá cá nhân với tập thể và kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị, địa phương. Xây dựng quy trình chặt chẽ, phù hợp để đạt được kết quả đánh giá thực chất, quan tâm lấy ý kiến, đánh giá nhiều chiều đối với cán bộ. Thực hiện nghiêm quy định của Đảng về việc lấy phiếu tín nhiệm trong lãnh đạo cấp uỷ, các cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội bảo đảm dân chủ, khách quan, công bằng, minh bạch.

- Công khai, minh bạch tiêu chuẩn, quy định, quy trình, thủ tục liên quan đến công tác cán bộ; thực hiện nghiêm quy định của Đảng về kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ, chống chạy chức, chạy quyền.

- Hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, kiện toàn tổ chức bộ máy, tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ của các cơ quan tham mưu, giúp việc của Đảng ở các cấp, nhất là cán bộ tham mưu, giúp việc cấp chiến lược có đủ bản lĩnh, trình độ, năng lực, kinh nghiệm, phẩm chất đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của Đảng.

### **4.3. *Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát***

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả việc thực hiện chủ trương, quy định của Đảng về công tác kiểm tra, giám sát. Chủ động phòng ngừa, đấu tranh ngăn chặn suy thoái, "tự diễn biến", "tự chuyển hoá"; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; phát hiện, biểu dương kịp thời mô hình, cách làm hiệu quả, góp phần hoàn thiện cơ chế, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

- Cải tiến, đổi mới phương pháp, quy trình, kỹ năng công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật bảo đảm khách quan, dân chủ, khoa học, đồng bộ, thống nhất, thận trọng, chặt chẽ, khả thi. Thực hiện giám sát mở rộng, kiểm tra có trọng tâm, trọng điểm để chủ động phòng ngừa, ngăn chặn khuyết điểm, vi phạm của tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên từ sớm, từ xa, tập trung kiểm tra tổ chức đảng, người đứng đầu, cán bộ chủ chốt ở những nơi dễ xảy ra vi phạm, nơi có nhiều bức xúc nổi cộm, dư luận quan tâm, các lĩnh vực nhạy cảm, dễ phát sinh vi phạm.

- Xây dựng cơ chế chỉ đạo, điều phối, khắc phục chồng chéo, trùng lặp, hình thức, kém hiệu quả trong các hoạt động kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội.

### **4.4. *Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, vận động***

- Đổi mới nội dung, phương thức, nâng cao hiệu quả, chất lượng công tác tuyên truyền, vận động cán bộ, đảng viên, nhân dân quán triệt, thực hiện nghị quyết, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước theo hướng thiết thực, phù hợp với các tầng lớp nhân dân.

- Bám sát thực tiễn, thường xuyên định hướng công tác tuyên truyền, nhất là về đường lối đổi mới, thành quả kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, kết quả công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị, nhân tố mới, điển hình tiên tiến. Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng thông tin, tuyên truyền; bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng; đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực phục vụ cho công cuộc đổi mới, sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh.

- Nâng cao trách nhiệm tuyên truyền, vận động của các cấp uỷ, tổ chức đảng, cơ quan, tổ chức, cán bộ, đảng viên, tạo sự tự giác, gương mẫu trong thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng.

- Thực hiện tốt Quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị, nhất là công tác dân vận của các cơ quan nhà nước; phương châm "Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng". Tiếp tục đổi mới công tác tuyên truyền, vận động của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, tăng cường được sự đồng thuận trong nhân dân, góp phần thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng.

#### ***4.5. Phát huy vai trò, trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên***

- Hoàn thiện quy định và đề cao trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý, người đứng đầu gắn với tự giác học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, vận động, thuyết phục, lan toả được trong xã hội, nhân dân những hành động tốt, tấm gương tiêu biểu của cán bộ, đảng viên.

- Các cấp uỷ, tổ chức đảng chú trọng nâng cao năng lực, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng, đảng viên; nêu cao tinh thần tự giác, tự kiểm tra, tự phê bình và phê bình của cán bộ, đảng viên, nhất là trong việc chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, tuân thủ pháp luật, tu dưỡng, rèn luyện phẩm chất đạo đức. Đồng thời, nêu cao trách nhiệm của cán bộ, đảng viên trong việc vận động gia đình, người thân xây dựng lối sống gương mẫu.

- Mọi đảng viên phải gương mẫu thực hiện nghiêm Điều lệ Đảng, chấp hành, xây dựng và bảo vệ đường lối, chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước; hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, phục tùng sự phân công của Đảng; liên hệ chặt chẽ với nhân dân; học tập, rèn luyện nâng cao năng lực, phẩm chất, lối sống, nêu gương; giữ gìn đoàn kết thống nhất trong Đảng.

- Kịp thời phát hiện, chấn chỉnh hành vi thiếu gương mẫu của cán bộ, đảng viên; xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hoá".

#### ***4.6. Đẩy mạnh cải cách hành chính, đổi mới phong cách lãnh đạo, phương pháp công tác, lề lối làm việc của các cơ quan lãnh đạo của Đảng từ Trung ương tới cơ sở***

- Đổi mới phong cách, phương pháp công tác, lề lối làm việc, thường xuyên sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện quy chế làm việc của cấp uỷ, tổ chức đảng các cấp, quy định chặt chẽ trách nhiệm, quyền hạn, mối quan hệ, quy trình công tác, quyết tâm khắc phục tình trạng bao biện, làm thay, vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ, áp đặt hoặc buông lỏng vai trò lãnh đạo của cấp uỷ, tổ chức đảng.

- Hoàn thiện quy định về ban hành văn bản của các cấp uỷ, tổ chức đảng, các cơ quan tham mưu, giúp việc của Đảng bảo đảm tính khoa học, hệ thống, chặt chẽ. Rà soát, phát hiện những nội dung còn chồng chéo, mâu thuẫn trong các văn bản của Đảng, huỷ bỏ những văn bản không còn phù hợp. Ban hành quy định về việc sơ kết, tổng kết nghị quyết, chủ trương của Đảng. Tiếp tục đổi mới chương trình, nội dung, cách thức tổ chức hội nghị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, các cấp uỷ, tổ chức đảng.

- Đổi mới cách thức phổ biến, quán triệt nghị quyết, chủ trương của Đảng theo hướng mở rộng đối tượng tham gia; tăng cường hội nghị chuyên đề trên

các lĩnh vực kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, văn hoá, đối ngoại, nội chính, xây dựng Đảng; hình thức linh hoạt, phù hợp nhằm giúp cho các cấp uỷ, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên nhận thức sâu sắc chủ trương, định hướng lớn của Đảng, tạo sự đồng bộ trong tổ chức thực hiện.

- Thực hiện có hiệu quả chủ trương của Đảng về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; xây dựng phong cách lãnh đạo, làm việc khoa học, dân chủ, sâu sát thực tiễn, gắn bó mật thiết với cơ sở, nhân dân, thật sự là hạt nhân đoàn kết, quy tụ, tạo động lực và phát huy trí tuệ tập thể; giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ, khách quan, toàn diện, công tâm, công khai, minh bạch, chính xác, chống cục bộ, địa phương, bè phái trong công tác cán bộ.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyên đổi số trong các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị từ Trung ương đến địa phương, nhất là các cơ quan đảng, nhà nước; mở rộng hình thức họp trực tiếp kết hợp với trực tuyến; hệ thống hoá, phát huy hiệu quả khai thác, sử dụng hệ thống văn kiện của Đảng.

**VI-** Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã cho ý kiến, thông qua Báo cáo những công việc quan trọng Bộ Chính trị đã giải quyết từ sau Hội nghị Trung ương 5 đến Hội nghị Trung ương 6 và một số nhiệm vụ trọng tâm từ Hội nghị Trung ương 6 đến Hội nghị Trung ương 7 khoá XIII; Báo cáo công tác tài chính đảng năm 2021.

## **VII- CÔNG TÁC CÁN BỘ**

**1.** Sau khi xem xét Tờ trình của Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã cho ý kiến về nhân sự đề Bộ Chính trị quyết định giới thiệu Quốc hội bầu, phê chuẩn các chức danh Tổng Kiểm toán Nhà nước, Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải tại Kỳ họp thứ tư Quốc hội khoá XV.

**2.** Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã xem xét, quyết định đề cán bộ thuộc diện Trung ương quản lý thôi tham gia Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII theo chủ trương của Bộ Chính trị tại Quy định số 41-QĐ/TW, ngày 03/11/2021 về việc miễn nhiệm, từ chức đối với cán bộ và Thông báo số 20-TB/TW, ngày 08/9/2022 về bố trí công tác đối với cán bộ sau khi bị kỷ luật đối với các đồng chí Ủy viên Trung ương Đảng Nguyễn Thành Phong, Huỳnh Tấn Việt, Bùi Nhật Quang.

**3.** Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã xem xét Tờ trình của Bộ Chính trị và quyết định thi hành kỷ luật đồng chí Phạm Xuân Thăng, Ủy viên Trung ương Đảng khoá XIII; Bí thư Tỉnh uỷ, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương bằng hình thức khai trừ ra khỏi Đảng do các vi phạm nghiêm trọng về nguyên

tắc tập trung dân chủ, về những điều đảng viên không được làm và trách nhiệm nêu gương của người đứng đầu cấp uỷ, gây hậu quả rất nghiêm trọng, làm thiệt hại lớn đến tài sản, ngân sách nhà nước, gây dư luận xấu, làm giảm uy tín của Đảng, chính quyền địa phương và cá nhân đồng chí.

\*

\* \*

Ban Chấp hành Trung ương Đảng kêu gọi toàn Đảng, toàn dân, toàn quân tăng cường đoàn kết, thống nhất, nỗ lực phấn đấu, vượt qua mọi khó khăn, thách thức, thực hiện có hiệu quả các nghị quyết, kết luận của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII, phấn đấu hoàn thành kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng.

---

**Chuyên đề 2**  
**CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI**  
**GẮN VỚI TÁI CƠ CẤU NGÀNH NÔNG NGHIỆP**  
**VÀ CÔNG TÁC GIẢM NGHÈO**

-----

## **A. KẾT QUẢ THỰC HIỆN**

### **I- TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI**

#### **1. Công tác chỉ đạo triển khai nhiệm vụ được giao**

- **Chương trình Xây dựng nông thôn mới:** Ủy ban nhân dân Tỉnh đã chỉ đạo triển khai thực hiện, kịp thời bổ sung, ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình Mục tiêu Quốc gia (MTQG) Xây dựng nông thôn mới (NTM) gắn với tái cơ cấu ngành Nông nghiệp (TCCNN) và công tác giảm nghèo bền vững năm 2025<sup>(2)</sup>; ban hành kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG Xây dựng NTM, NTM nâng cao năm 2022, tập trung chỉ đạo triển khai cụ thể hóa, thực hiện quyết định của Thủ tướng Chính phủ, hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương về Chương trình MTQG Quốc gia Xây dựng NTM<sup>(3)</sup>. Các Sở, ngành, thành viên Ban Chỉ đạo Chương trình MTQG Xây dựng NTM và TCCNN Tỉnh (*viết tắt là Ban Chỉ đạo Tỉnh*) đã chủ động triển khai các nhiệm vụ được lồng ghép Chương trình MTQG Xây dựng NTM vào các chương trình, đề án, dự án thuộc các lĩnh vực ngành phụ trách. Ban Chỉ đạo cấp huyện cũng đã cụ thể hóa, ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình tại địa phương.

- **Tái cơ cấu ngành nông nghiệp:** Ủy ban nhân dân Tỉnh đã ban hành Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Đồng Tháp đến năm 2025, định hướng năm 2030, với 05 ngành hàng chủ lực (lúa gạo, xoài, hoa kiểng, cá tra, sen).

- **Công tác giảm nghèo:** Ủy ban nhân dân Tỉnh ban hành Kế hoạch số 314/KH-UBND ngày 28/10/2021 về việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn Tỉnh năm 2022, phân công các Sở, ngành Tỉnh có liên quan và Ủy ban nhân dân huyện, thành phố căn cứ chức năng, nhiệm vụ của ngành, đơn vị xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện.

*(Chi tiết xem Phụ lục 05 kèm theo)*

---

<sup>(2)</sup> Kế hoạch số 65/KH-UBND, ngày 28/02/2022 của UBND Tỉnh về Kế hoạch thực hiện Kết luận số 250-KL/TU ngày 09/12/2021 của Ban chấp hành Đảng bộ Tỉnh khóa XI về tiếp tục thực hiện Chương trình MTQG Xây dựng NTM gắn với TCCNN và công tác giảm nghèo bền vững năm 2025.

<sup>(3)</sup> UBND tỉnh đã ban hành Bộ tiêu chí xã NTM, xã NTM nâng cao, xã NTM kiểu mẫu, huyện NTM, huyện NTM nâng cao (Quyết định số 863/QĐ-UBND-HC, Quyết định số 864/QĐ-UBND-HC Quyết định số 865/QĐ-UBND-HC ngày 08/8/2022.

## 2. Công tác tuyên truyền, vận động

Tiếp tục được hệ thống chính trị các cấp chủ động tổ chức với với 3.946 cuộc, có 102.871 người tham dự, nâng cao nhận thức, trách nhiệm trong xây dựng nông thôn mới. Nhiều mô hình<sup>(4)</sup> hay và các cách làm hiệu quả góp phần giúp giảm nghèo, xóa nhà tạm, tập trung giải quyết vấn đề hỗ trợ về vốn, kỹ thuật và chuyển đổi ngành nghề phù hợp góp phần tích cực vào Chương trình MTQG Xây dựng NTM. Công tác đưa tin, truyền thanh các chuyên mục về Chương trình đồng hành cùng tam nông, TCCNN, kết quả xây dựng NTM trên hệ thống đài phát thanh huyện, xã thực hiện thường xuyên, liên tục.

Ngoài ra, tổ chức xây dựng chuyên trang về giảm nghèo trên Báo Đồng Tháp mỗi tháng phát hành một kỳ, nội dung giới thiệu mô hình giảm nghèo, các hoạt động hỗ trợ hộ nghèo, gương phấn đấu vươn lên thoát nghèo. Đài Phát thanh và Truyền hình Đồng Tháp thực hiện “Chương trình Vượt đốc” phát sóng 24 số (kỳ), khen thưởng và động viên những cá nhân tiêu biểu có phương án, kế hoạch sản xuất, làm dịch vụ, kinh doanh vươn lên khá giả và thoát nghèo bền vững; chương trình phát sóng mỗi tuần 01 số (kỳ) và chọn 01 hộ thoát nghèo tiêu biểu để nhà tài trợ và mạnh thường quân trao quà, tiền hỗ trợ phát triển sản xuất. Các địa phương xây dựng kế hoạch, tổ chức đối thoại chính sách giảm nghèo năm 2022, nội dung đối thoại chính sách giảm nghèo tập trung vào các vấn đề liên quan đến cơ chế quản lý điều hành, tổ chức thực hiện, tiến độ và kết quả triển khai, mức độ tham gia và hưởng lợi của người dân từ các dự án, tiểu dự án, hoạt động của Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững; một số chương trình, chính sách giảm nghèo có liên quan (về việc làm, y tế, giáo dục, nước sạch, vệ sinh môi trường, tiếp cận thông tin và quy trình điều tra, rà soát hộ nghèo,...).

## 3. Kiện toàn bộ máy chỉ đạo thực hiện Chương trình

Tỉnh vừa thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới gắn với Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp và công tác giảm nghèo bền vững của tỉnh Đồng Tháp đến năm 2025<sup>(5)</sup>.

---

<sup>(4)</sup> Mô hình: (i) Xóa nhà tạm, sửa chữa và xóa nghèo: Xây dựng được 75 căn nhà, sửa chữa 14 căn nhà với số tiền 2,154 tỷ đồng, có 12 hội viên được xóa nghèo (có 75 hội viên nghèo phát sinh do khóa sát hộ nghèo theo chuẩn nghèo năm 2021-2025); vận động quỹ Hội được 180,150 triệu đồng; có 2.140 hội viên tham gia góp vốn xoay vòng với số tiền 1.617 triệu đồng; (ii) Xây dựng cầu đường: sửa chữa nâng cấp đường nông thôn liên ấp dài 101 km, vận động hội viên góp 5,5 triệu đồng và 804 ngày công; hiến đất làm đường 8.712 m<sup>2</sup>, trị giá 871 triệu đồng; sửa chữa 8 cây cầu, bắt mới 16 cây cầu, phối hợp phát hoang 2 bên đường 69 km, có 127 hội viên tham gia; (iii) Về bảo vệ môi trường tiếp tục nhân rộng hoạt động "Tô gom rác thải". Ngoài ra mở 93 lớp tập huấn về xóa đói giảm nghèo, kiến thức vay vốn, kiến thức kinh tế, bảo vệ môi trường cho 1.112 lượt hội viên; (iv) Hội Liên hiệp phụ nữ Tỉnh phối hợp vận động: xây dựng mới 9 cây cầu, tổng số tiền 1.190, 542 triệu đồng, sửa chữa 3 cây cầu nông thôn, tổng số tiền là 1.003 triệu đồng, tham gia 2.264 ngày công lao động, quy ra 278.350 triệu đồng, nhân dân hiến 2.650 m<sup>2</sup> đất, với tổng trị giá 2.557,2 triệu đồng, xây dựng 162 mái ẩm tình thương cho 162 phụ nữ nghèo với kinh phí là 5.137 triệu đồng, sửa chữa 27 mái ẩm, kinh phí 269,2 triệu đồng.

<sup>(5)</sup> Quyết định số 134/QĐ-UBND-TL ngày 12/10/2022.



#### **4. Công tác chỉ đạo, điều hành, ban hành các cơ chế chính sách và văn bản hướng dẫn**

- Chỉ đạo Sở, ngành Tỉnh và các đơn vị liên quan phối hợp tham mưu thực hiện triển khai các văn bản chỉ đạo và Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn<sup>(6)</sup>; xây dựng, tham mưu các quy định cơ chế, chính sách hỗ trợ thực hiện Chương trình MTQG Xây dựng NTM và Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP) trên địa bàn Tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 (*dự kiến thông qua kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2022*).

- Tín dụng hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, học sinh, sinh viên, doanh số cho vay đạt 412.320 triệu đồng, với 11.454 hộ vay, tổng dư nợ đến thời điểm 31/5/2022 là 2.145.027 triệu đồng; cấp 96.410 thẻ bảo hiểm y tế cho người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ nông, lâm, ngư nghiệp có mức sống trung bình; miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập cho 19.729 học sinh; hỗ trợ xây mới 79 căn nhà ở cho hộ nghèo, hộ khó khăn; hỗ trợ dạy nghề cho 231 lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo.

- Thực hiện Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 24/3/2022 của Hội đồng nhân dân Tỉnh về việc giao bổ sung dự toán vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2021 và Quyết định số 423/QĐ-UBND-HC ngày 26/4/2022 của Ủy ban nhân dân Tỉnh về việc giao bổ sung dự toán vốn sự nghiệp kinh tế thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2021, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội xây dựng Kế hoạch số 56/KH-SLĐTBXH ngày 05/5/2022 về việc triển khai mô hình giảm nghèo bền vững năm 2022 trên địa bàn huyện Tam Nông.

#### **5. Nâng cao năng lực, đào tạo, tập huấn cho cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới ở các cấp**

Tổ chức cập nhật kiến thức trong hệ thống chính trị cho hơn 1.000 cán bộ, công chức về xây dựng nông thôn mới, tái cơ cấu ngành nông nghiệp và giảm nghèo bền vững. Ngoài ra, đã tổ chức được 219 lớp tập huấn lồng ghép Chương trình MTQG Xây dựng NTM và TCCNN có 7.183 cán bộ, công chức tham dự.

## **II- NHỮNG ĐIỂM MỚI CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN 2021 - 2025**

### **1. Chương trình nông thôn mới**

#### **1.1. Bộ tiêu chí nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Đồng Tháp**

Ngày 08/3/2022 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành các Quyết định quy định Bộ tiêu chí nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025:

<sup>(6)</sup> Quyết định số 1395/QĐ-BNN-VPĐP ngày 15/4/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Kế hoạch triển khai Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phê duyệt Chương trình MTQG Xây dựng NTM giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định số 35/QĐ-BCĐCMTQG ngày 25/3/2022 và các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 08/3/2022 gồm: Quyết định số 318/QĐ-TTg; Quyết định số 319/QĐ-TTg; Quyết định số 320/QĐ-TTg; Quyết định số 321/QĐ-TTg; Nghị định số 27/2022/NĐ-CP, ngày 19/4/2022.

- Quyết định số 318/QĐ-TTg Ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025.

- Quyết định số 319/QĐ-TTg quy định xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021 - 2025.

- Quyết định số 320/QĐ-TTg Ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới; quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025.

Ngày 08/8/2022 Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành các Quyết định quy định Bộ tiêu chí nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025:

- Quyết định số 863/QĐ-UBND-HC về ban hành Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới nâng cao tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2021 - 2025.

- Quyết định số 864/QĐ-UBND-HC về Ban hành Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới kiểu mẫu tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2021 - 2025.

- Quyết định số 865/QĐ-UBND-HC về huyện nông thôn mới; quy định thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và Bộ tiêu chí về huyện nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2021 - 2025.

## ***1.2. Điểm mới của Bộ Tiêu chí giai đoạn 2021 - 2025***

### ***1.2.1. Đối với Bộ tiêu chí cấp xã***

**a) Bộ tiêu chí xã nông thôn mới (Quyết định số 863/QĐ-UBND-HC ngày 08/8/2022)**

+ Có 19 tiêu chí, **59 chỉ tiêu** (tăng từ 49 lên 59 chỉ tiêu, tăng 10 chỉ tiêu so với 2016-2020); Điều chỉnh nội hàm, tên, nội dung của 15 tiêu chí, lược bỏ 02 tiêu chí cũ.

+ Đề xuất bổ sung 02 chỉ tiêu so với Bộ tiêu chí Quốc gia: (1) Có ít nhất 01 (một) mô hình hội quán hoạt động trong năm xếp loại từ loại tốt trở lên; (2) Có ít nhất 01 (một) mô hình dòng sông không rác được duy trì thường xuyên nhằm phát huy tính cộng đồng trong hợp tác sản xuất, xây dựng đời sống văn hóa, tạo nếp sống xanh-sạch-đẹp cho vùng nông thôn.

+ Có 03 tiêu chí thay đổi tên gọi: (1) Tiêu chí Thủy lợi thành Tiêu chí Thủy lợi và phòng chống thiên tai; (2) Tiêu chí Lao động có việc làm thành Tiêu chí Lao động; (3) Tiêu chí Tổ chức sản xuất thành Tiêu chí Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn.

+ Các tiêu chí hoặc chỉ tiêu có thay đổi về mức độ đánh giá: (1) tỷ lệ đường trục ấp, liên ấp được cứng hoá đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm từ  $\geq 50\%$  lên  $\geq 90\%$ ; (2) tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế tăng từ  $\geq 85\%$  lên  $\geq 90\%$ .

**Các chỉ tiêu, tiêu chí được bổ sung nhưng khó thực hiện trong thời gian ngắn như:** (1) Chỉ tiêu 13.3 - Thực hiện truy xuất nguồn các sản phẩm chủ lực của xã gắn với xây dựng vùng nguyên liệu và được chứng nhận VietGap hoặc tương đương; (2) Chỉ tiêu 13.5 - Có tổ khuyến nông cộng đồng hoạt động hiệu quả; (3) Chỉ tiêu 15.3 - Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử 50% trở lên; (4) Chỉ tiêu 17.12 - Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn từ 30% trở lên; (5) Chỉ tiêu 17.13 - Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định từ 50% trở lên.

***b) Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao (Quyết định số 863/QĐ-UBND-HC ngày 08/8/2022)***

- Có 19 tiêu chí; 76 chỉ tiêu (*tăng 41 lên 76 chỉ tiêu, tăng 35 chỉ tiêu so với giai đoạn 2016 - 2020*); Nâng cao chất lượng 35 chỉ tiêu, bổ sung 35 chỉ tiêu mới.

- Bổ sung 03 tiêu chí mới: (1) Hành chính công; (2) Tiếp cận pháp luật (3) Chất lượng môi trường sống.

- Đề xuất bổ sung thêm 02 chỉ tiêu so với Bộ tiêu chí Quốc gia: "Có ít nhất 01 mô hình hội quán hoạt động trong năm xếp loại Tiêu biểu trong năm", "Có ít nhất 01 mô hình dòng sông không rác được duy trì thường xuyên".

***c) Bộ tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu (Quyết định số 864/QĐ-UBND-HC ngày 08/8/2022)***

- Đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025; đối với các xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2018 - 2020, phải tập trung rà soát, chỉ đạo thực hiện, đáp ứng đầy đủ mức đạt chuẩn theo yêu cầu của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025.

- Thu nhập bình quân đầu người của xã tại thời điểm xét, công nhận xã nông thôn mới kiểu mẫu phải cao hơn từ 10% trở lên so với mức thu nhập bình quân đầu người áp dụng theo quy định đối với xã nông thôn mới nâng cao tại cùng thời điểm.

- Có ít nhất một mô hình thôn thông minh, có 05 nhóm tiêu chí kiểu mẫu: (i) Về sản xuất; (ii) Về Giáo dục - Y tế - Văn hóa và du lịch; (iii) Về Cảnh quan môi trường; (iv) Về An ninh trật tự; (v) Về Chuyển đổi số (giai đoạn 2018 - 2020 chỉ có 04 nhóm).

- Ủy ban nhân dân Tỉnh ban hành quy định đánh giá Làng Thông minh gây khó khăn cho địa phương.

***1.2.2. Đối với Bộ tiêu chí cấp huyện (Quyết định số 865/QĐ-UBND-HC ngày 08/8/2022)***

***a) Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới: Có 05 quy định (trong đó có 02 quy định mới (\*) so với Quyết định 558/QĐ-TTg ngày 05/4/20216), cụ thể:***

+ Có 100% xã trên địa bàn đạt chuẩn nông thôn mới (*đáp ứng đầy đủ mức đạt chuẩn theo yêu cầu của Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025*).

+ Có ít nhất 10% số xã trên địa bàn đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao (*đáp ứng đầy đủ mức đạt chuẩn theo yêu cầu của Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025*). (\*)

+ Có 100% số thị trấn trên địa bàn đạt chuẩn đô thị văn minh. (\*)

+ Tỷ lệ hài lòng của người dân trên địa bàn đối với kết quả xây dựng nông thôn mới của huyện đạt từ 90% trở lên (*trong đó có tỷ lệ hài lòng của người dân ở từng xã đối với kết quả thực hiện từng nội dung xây dựng nông thôn mới đạt từ 80% trở lên*).

+ Đạt các tiêu chí huyện nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025, bao gồm:

(i) Về số lượng tiêu chí và chỉ tiêu, gồm: 9 tiêu chí và 36 chỉ tiêu (*tăng 22 chỉ tiêu so với Quyết định 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2016*).

(ii) Có 03 tiêu chí điều chỉnh, bổ sung tên mới (*tiêu chí 3 Thủy lợi và phòng, chống thiên tai; tiêu chí 6 Kinh tế, tiêu chí 9 Hệ thống chính trị - An ninh trật tự - Hành chính công*), bổ sung 01 tiêu chí mới (*tiêu chí 8 Chất lượng môi trường sống*), bỏ 01 tiêu chí (*tiêu chí 9 Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới theo Quyết định 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2016*).

**b) Quy định thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới: Có 05 quy định (trong đó có 03 quy định mới (\*) so với Quyết định 558/QĐ-TTg ngày 05/4/20216), cụ thể:**

- Có 100% số xã trên địa bàn đạt chuẩn nông thôn mới (*đáp ứng đầy đủ mức đạt chuẩn theo yêu cầu của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025*).

- Có ít nhất 01 xã trên địa bàn đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025.

- Có 100% số phường trên địa bàn đạt chuẩn đô thị văn minh.

- Tỷ lệ hài lòng của người dân trên địa bàn đối với kết quả xây dựng nông thôn mới của thành phố đạt từ 90% trở lên (*trong đó có tỷ lệ hài lòng của người dân ở từng xã đối với kết quả thực hiện từng nội dung xây dựng nông thôn mới đạt từ 80% trở lên*).

- Đất cây xanh sử dụng công cộng trong đô thị trên địa bàn tối thiểu là 5 m<sup>2</sup>/người.

**c) Bộ tiêu chí Huyện nông thôn mới nâng cao:** (Trước đây Trung ương chưa quy định): Có 04 quy định, cụ thể:

- Là huyện đạt chuẩn nông thôn mới (*đáp ứng đầy đủ mức đạt chuẩn theo yêu cầu của Bộ tiêu chí về huyện nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025*).

- Có ít nhất 50% số xã trên địa bàn đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao (*đáp ứng đầy đủ mức đạt chuẩn theo yêu cầu của Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025*).

- Tỷ lệ hài lòng của người dân trên địa bàn đối với kết quả xây dựng nông thôn mới nâng cao của huyện đạt từ 95% trở lên (*trong đó có tỷ lệ hài lòng của người dân ở từng xã đối với kết quả thực hiện từng nội dung xây dựng nông thôn mới nâng cao đạt từ 85% trở lên*).

- Đạt các tiêu chí huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025:

(i) Về số lượng tiêu chí và chỉ tiêu, gồm: 9 tiêu chí và 38 chỉ tiêu.

(ii) Số tiêu chí, chỉ tiêu Thủ tướng Chính phủ giao Ủy ban nhân dân Tỉnh quy định, gồm:

+ Tiêu chí 1 Quy hoạch.

+ Tiêu chí 5: Y tế - Văn hóa - Giáo dục.

+ Tiêu chí 8 Chất lượng môi trường sống.

## **2. Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp**

- **Phát triển mới toàn bộ nội dung của mục tiêu chung:** TCCNN tỉnh Đồng Tháp theo hướng nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân chuyên nghiệp, chuyển mạnh từ tư duy "sản xuất nông nghiệp" sang tư duy "kinh tế nông nghiệp", phát triển kinh tế nông thôn gắn với quá trình đô thị hoá nông thôn đi vào chiều sâu, hiệu quả, bền vững. Tập trung phát triển và xây dựng các chuỗi ngành hàng chủ lực, có tiềm năng, thế mạnh. Phát triển nông nghiệp giúp cho nông dân giàu có, đóng góp nhiều hơn cho phát triển kinh tế - xã hội. Xây dựng hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn đồng bộ, thích ứng với biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững. Bảo đảm thực hiện mục tiêu xây dựng nền nông nghiệp xanh, sạch, có trách nhiệm với cộng đồng; đẩy mạnh liên kết giữa sản xuất và thị trường, ứng dụng KH-CN; chuyên môn hóa nông dân, tạo việc làm ổn định, chuyển dịch lao động ra khỏi khu vực nông nghiệp; nâng cao thu nhập, đời sống của dân cư nông thôn; bảo vệ môi trường sinh thái và xây dựng nông thôn mới là nơi yên bình, văn minh, kinh tế ổn định và là nơi đáng sống.

- Về định hướng phát triển một số ngành hàng chủ lực: Thay thế ngành hàng vịt thành ngành hàng Sen.

- Về giải pháp thực hiện Đề án, có 12 giải pháp tăng 03 giải pháp so với đề án giai đoạn trước. Trong đó, có 08 giải pháp mới và 04 giải pháp phát triển thêm so đề án giai đoạn trước, như sau:

+ 08 giải pháp mới: (1) Tiếp tục phát huy các bài học thành công nhờ công tác tuyên truyền; (2) Tăng cường áp dụng khoa học và công nghệ; (3) Phát triển thị

trường; (4) Thúc đẩy phát triển nông thôn tạo điều kiện phát triển nông nghiệp; (5) Liên kết; (6) Bảo vệ đất nông nghiệp, khuyến khích tập trung, tích tụ đất nông nghiệp cho sản xuất quy mô lớn; (7) Thúc đẩy chuyển đổi số trong nông nghiệp nông thôn; (8) Phát triển bền vững, thích ứng biến đổi khí hậu, xâm nhập mặn.

+ 04 giải pháp phát triển thêm so đề án giai đoạn trước: (1) Đổi mới cơ chế; (2) Đào tạo và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; (3) Chuyển dịch lao động nông nghiệp sang phi nông nghiệp tạo điều kiện tập trung, tích tụ ruộng đất; (4) Phát triển nguồn vốn, đẩy mạnh thu hút đầu tư tư nhân vào địa bàn tỉnh, tăng cường hợp tác quốc tế.

### III- KẾT QUẢ THỰC HIỆN

#### 1. Chương trình xây dựng nông thôn mới

##### 1.1. Kết quả thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về NTM

\* Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu:

- Số xã đạt chuẩn NTM: toàn Tỉnh có 103 xã đã được UBND Tỉnh công nhận đạt chuẩn NTM (đạt 89,56%).

- Số xã đạt chuẩn NTM nâng cao: toàn tỉnh có 10<sup>(7)</sup> xã được công nhận xã đạt chuẩn xã NTM nâng cao năm 2021.

- Số xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu: chưa có.

- Đối với đơn vị cấp huyện hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM/đạt chuẩn huyện NTM: Lũy kế đến nay có 03 đơn vị hoàn thành nhiệm vụ NTM (thành phố Sa Đéc, thành phố Cao Lãnh và thành phố Hồng Ngự), 02 huyện (Tháp Mười, Cao Lãnh) đạt chuẩn nông thôn mới.

- Về chỉ tiêu thực hiện năm 2022: Theo kế hoạch số 135/KH-UBND của UBND tỉnh, năm 2022 toàn tỉnh phấn đấu có thêm 06 xã đăng ký đạt chuẩn NTM. (Chi tiết xem phụ lục 1 kèm theo).

+ Có 16 xã đạt NTM nâng cao: 11 xã đạt từ 9 - 13 tiêu chí, 4 xã đạt từ 14 - 16 tiêu chí và 01 xã đạt 17 tiêu chí. (Chi tiết xem phụ lục 2 kèm theo).

+ Có 01 xã đạt NTM kiểu mẫu: xã Mỹ Đông huyện Tháp Mười (Chi tiết xem phụ lục 3 kèm theo).

+ Có thêm 03 huyện (huyện Lai Vung, Lấp Vò và Châu Thành) đạt chuẩn huyện nông thôn mới:

(Chi tiết xem phụ lục 4 kèm theo)

---

<sup>(7)</sup> Gồm: Xã Phú Cường, huyện Tam Nông; các xã: Mỹ Đông, Thanh Mỹ, huyện Tháp Mười; xã Bình Thạnh, huyện Cao Lãnh; các xã: Bình Thành, Định Yên, huyện Lấp Vò; xã Tân Dương, huyện Lai Vung; xã Tân Nhuận Đông, huyện Châu Thành; các xã: Tịnh Thới, Tân Thuận Tây, thành phố Cao Lãnh.

## **1.2 Kết quả thực hiện duy trì các chỉ tiêu, tiêu chí đối với các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới theo bộ tiêu chí giai đoạn 2021 - 2025**

- Xã đạt chuẩn nông thôn mới: Tính đến ngày 20/9/2022, toàn Tỉnh có 103 xã<sup>(8)</sup> đã được UBND Tỉnh công nhận đạt chuẩn NTM (đạt 89,56%). Theo báo cáo của các huyện, thành phố việc duy trì và nâng chất các tiêu chí nông thôn mới theo Quyết định 863/QĐ-UBND-HC ngày 08/8/2022 của UBND Tỉnh qua đánh giá có 01 xã duy trì đạt 19/19 tiêu chí, 19 xã đạt 17 - 18 tiêu chí, 48 xã đạt 14 - 16 tiêu chí và 35 xã đạt từ 10 - 13 tiêu chí (*chi tiết xem Phụ lục 8*).

- Xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao: Tính đến ngày 20/9/2022, toàn Tỉnh có 10 xã đã được UBND Tỉnh công nhận đạt chuẩn NTM nâng cao. Theo báo cáo của các huyện, thành phố việc duy trì và nâng chất các tiêu chí nông thôn mới theo Quyết định 863/QĐ-UBND-HC ngày 8/8/2022 của UBND Tỉnh qua đánh giá có 06 xã đạt 14 - 16 tiêu chí và 04 xã đạt từ 10 - 13 tiêu chí (*chi tiết xem Phụ lục 9*).

## **1.3. Nguồn lực thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới**

Tính đến ngày 20/9/2022, toàn Tỉnh đã huy động được 929.050 triệu đồng, để thực hiện Chương trình MTQG Xây dựng NTM. Bao gồm:

- Ngân sách nhà nước: 833.115 triệu đồng.

+ Vốn đầu tư trực tiếp cho Chương trình MTQG Xây dựng NTM: 530.003 triệu đồng.

+ Vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án khác để đầu tư các xã hoàn thành các tiêu chí NTM: 303.112 triệu đồng.

- Vốn huy động đóng góp của cộng đồng dân cư: 95.935 triệu đồng.

## **2. Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp**

Kết quả phát triển kinh tế nông nghiệp: Ước giá trị sản xuất nông, lâm, thủy sản (giá so sánh năm 2010) 9 tháng đầu năm 2022 ước đạt 36.718 tỷ đồng, tăng 10,3% so cùng kỳ (tương ứng tăng 3.419 tỷ đồng) và bằng 102,8% kế hoạch 9 tháng đầu năm, chiếm 77,6% kế hoạch năm 2022. Ước giá trị tăng thêm 9 tháng đầu năm đạt 15.938 tỷ đồng, tăng 8,3% so cùng kỳ (tương ứng tăng 1.223 tỷ đồng) và bằng 102% kế hoạch 9 tháng đầu năm, chiếm 77,6% kế hoạch năm. Kết quả cụ thể như sau:

### **2.1. Kết quả phát triển các ngành hàng chủ lực**

- **Ngành hàng lúa gạo:** Ước giá trị sản xuất ngành lúa gạo 9 tháng đầu năm 2022 theo giá so sánh năm 2010 đạt 12.327 tỷ đồng, gần tương đương so với cùng kỳ và bằng 100% kế hoạch 9 tháng, chiếm 79,9% kế hoạch năm. Do giá nguyên

---

<sup>(8)</sup> Giai đoạn 2011 - 2016: Có 30 xã đạt chuẩn NTM theo Bộ tiêu chí NTM đến năm 2020 (tại Quyết định số 425/QĐ-UBND-HC ngày 13/5/2013). Giai đoạn 2017 - 2021: Có 73 xã đạt chuẩn NTM theo Bộ tiêu chí NTM giai đoạn 2016 - 2020 (tại Quyết định số 379/QĐ-UBND-HC ngày 17/4/2017).

liệu đầu vào tăng (phân bón tăng từ 64 - 150%, thuốc bảo vệ thực vật tăng từ 4-60% so cùng kỳ) cộng với sự gia tăng chi phí vận chuyển, chi phí thu hoạch,... dẫn đến tổng chi phí sản xuất tăng thêm 23 - 50%. Vụ Đông Xuân 2021 - 2022, giá thành sản xuất bình quân tăng 829 đồng/kg, giá bán bình quân giảm 333 đồng/kg nên lợi nhuận giảm 8 triệu đồng/ha so cùng kỳ; vụ Hè Thu 2022, giá thành sản xuất bình quân tăng 438 đồng/kg, giá bán bình quân tăng 317 đồng/kg, lợi nhuận giảm 1 triệu đồng/ha so cùng kỳ.

- **Ngành hàng xoài:** Diện tích xoài 14.222 ha, đạt 100,6% so với kế hoạch 9 tháng, chiếm 100% kế hoạch năm; giá thành sản xuất đối với xoài dao động từ 6.708 - 16.560 đồng/kg (tăng từ 875 - 2.160 đồng/kg so cùng kỳ), giá bán dao động từ 20.000 - 80.000 đồng/kg (tăng từ 12.000 - 52.000 đồng/kg so cùng kỳ), lợi nhuận từ 149 - 381 triệu đồng/ha (tăng từ 122 - 299 triệu đồng/ha so cùng kỳ).

- **Ngành hàng hoa kiếng:** Ước giá trị sản xuất ngành hoa kiếng 9 tháng đầu năm theo giá so sánh năm 2010 đạt 3.576 tỷ đồng, giảm 2,26% so cùng kỳ (tương ứng giảm 83 tỷ đồng), bằng 96,8% kế hoạch 9 tháng đầu năm, chiếm 63,8% kế hoạch năm. Ngành hoa kiếng được tổ chức phát triển theo hướng đa dạng chủng loại theo thị hiếu người dùng, kết nối sản xuất với thị trường, doanh nghiệp để phát triển du lịch.

- **Ngành hàng cá tra:** Nhìn chung tình hình xuất khẩu cá tra đã phục hồi và tăng trưởng, các doanh nghiệp chế biến hoạt động với công suất cao nhằm đáp ứng các đơn hàng đã ký; giá thành sản xuất cá tra bình quân là 25.367 đồng/kg (tăng 3.321 đồng/kg so cùng kỳ), giá bán cá tra bình quân là 29.486 đồng/kg (tăng 8.500 đồng/kg so cùng kỳ), lợi nhuận cá tra đạt 1.730 triệu đồng/ha (tăng 2.061 triệu đồng/ha so cùng kỳ).

- **Ngành hàng sen:** Ước giá trị sản xuất đạt 3,6 tỷ đồng, với diện tích canh tác 258 ha, sản lượng đạt 286 tấn. Giá thành sản xuất bình quân khoảng 7.378 đồng/kg, mang lại lợi nhuận 116 triệu đồng/ha. Hiện tại, hạ tầng canh tác sen chưa được đầu tư hoàn chỉnh, chủ yếu trồng trên nền đất lúa với hiện trạng sẵn có của canh tác lúa; chỉ có khoảng 27% diện tích là có hệ thống bờ bao để sử dụng ruộng sen làm ao nuôi cá.

Một vài mô hình canh tác sen đã được người dân thực hiện trong những năm qua như: sen - lúa (một vụ sen - một vụ lúa luân phiên), sen - cá (trồng sen quanh năm kết hợp khai thác cá tự nhiên), và sen chuyên canh (trồng sen quanh năm)... Hầu hết các mô hình trên cây sen hiện nay đều kết hợp với phát triển dịch vụ du lịch trải nghiệm như: bơi xuồng ngắm hoa, câu cá, ẩm thực,... nhằm tăng thêm thu nhập; các hoạt động du lịch kết hợp này giúp tăng thêm lợi nhuận khoảng 50 triệu đồng/ha/năm với chi phí đầu tư thêm không đáng kể.

Hỗ trợ về chuyên môn cho các huyện Châu Thành, Lai Vung, Tháp Mười, Lấp Vò thực hiện Kế hoạch phát triển chuỗi liên kết ngành hàng chủ lực gắn với vùng sản xuất trọng điểm trên địa bàn huyện đối với khoai lang, cây có múi, cá sặc rằn và khoai môn.



## 2.2. Phát triển chuỗi liên kết - tiêu thụ

- **Vụ Đông xuân:** Tính đến ngày 20/6/2022, diện tích sản xuất lúa toàn Tỉnh là 189.263 ha; trong đó, diện tích thực hiện liên kết của các huyện, thành phố là 34.984 ha, sản lượng 241.586 tấn, chiếm tỷ lệ 18,48% tổng diện tích sản xuất. Có 43 HTX, 22 THT và nông dân ký hợp đồng cùng 37 công ty doanh nghiệp (trong và ngoài tỉnh), 01 trường Đại học (liên kết thực hiện mô hình bảo tồn giống lúa) và 01 HTX và các thương lái thực hiện liên kết bao tiêu lúa cho nông dân.

- **Vụ Hè thu:** Diện tích sản xuất lúa toàn Tỉnh là 180.023 ha; trong đó, diện tích dự kiến thực hiện liên kết của các huyện, thành phố là 26.551 ha, năng suất bình quân ước đạt 6,71 tấn/ha. Đến thời điểm hiện nay diện tích lúa Hè Thu đã thu hoạch là 69.476 ha, đạt 38,6% diện tích toàn Tỉnh (đang vào vụ thu hoạch, chưa chốt số liệu liên kết).

- **Cây ăn trái:** Theo số liệu thống kê đến ngày 20/6/2022 có 05/12 huyện thành phố (Thanh Bình, Châu Thành, Lai Vung, Cao Lãnh và thành phố Cao Lãnh) thực hiện liên kết tiêu thụ khoảng 1.039,1 ha, sản lượng 7.496 tấn. Có 15 công ty, doanh nghiệp, 03 vựa xoài cùng các siêu thị Big C, Vinmart, ... liên kết tiêu thụ với 10 HTX, 04 THT, 02 Hội quán và 03 hộ nông dân.

## 2.3. Công tác xúc tiến thương mại

Ngành Công Thương tổ chức Kết nối tiêu thụ hàng hóa giữa 05 tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long với Thành phố Hồ Chí Minh, kết quả có 19 biên bản ghi nhớ được ký kết tại Hội nghị, trong đó tỉnh Đồng Tháp có 11 biên bản ghi nhớ<sup>(9)</sup>.

Tổ chức Lễ công bố xuất khẩu lô Xoài đầu tiên của Đồng Tháp sang thị trường Châu Âu với 03 tấn xoài Cát chu được xuất bằng đường hàng không sang EU (Hà Lan); sau Lễ công bố, có 02 bản ghi nhớ được ký kết tại Lễ Công bố: 01 bản ghi nhớ hợp tác giữa Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn với Công ty CP Cánh Cổng Vàng Việt Nam, Công ty TNHH TSBIO - Hào Hành Việt Nam về xây dựng chuỗi cung ứng nông sản xuất sang thị trường châu Âu và 01 bản ghi nhớ giữa Công ty TNHH Westernfarm, Công ty CP Cánh Cổng Vàng Việt Nam, Tập đoàn MCE Việt Nam về việc liên kết sản xuất, xây dựng vùng trồng tạo chuỗi cung ứng sản phẩm xuất khẩu nông sản.

Tổ chức Hội nghị kết nối tiêu thụ với Công ty Cổ phần thương mại dịch vụ Tổng hợp Wincommerce kết quả đã trao đổi với 25 doanh nghiệp, cơ sở sản xuất có hàng hóa đáp ứng tiêu chuẩn, số lượng, phương thức vận chuyển, giao hàng phù hợp với yêu cầu của Công ty, trong đó có 9 đơn vị có khả năng đáp ứng các điều kiện của Công ty.

<sup>(9)</sup> Gồm 01 bản ghi nhớ giữa Sở Công Thương Đồng Tháp và Sở Công Thương TP Hồ Chí Minh về việc hướng dẫn thực hành sản xuất, xây dựng chuỗi cung ứng bền vững các mặt hàng nông sản, thủy sản chủ lực của tỉnh Đồng Tháp, 01 bản ghi nhớ giữa Sở Công Thương Đồng Tháp với các Doanh nghiệp, nhà phân phối TP Hồ Chí Minh về phát triển thương mại điện tử và xây dựng chuỗi cung ứng các mặt hàng nông sản và 09 bản ghi nhớ giữa các doanh nghiệp thành phố Hồ Chí Minh với các doanh nghiệp tỉnh Đồng Tháp trong liên kết sản xuất, tiêu thụ hàng hóa, logistics.

Ngoài ra, còn thông tin và mời các doanh nghiệp, hợp tác xã và cơ sở sản xuất tham dự các chương trình, hội nghị kết nối trong và ngoài nước, các phiên tư vấn xuất khẩu sang thị trường các nước Hàn Quốc, Đài Loan, Hồng Kông, Nhật Bản, Ấn Độ, Thụy Điển, Thổ Nhĩ Kỳ, Algeria, Úc, New Zealand,... với các ngành hàng nông sản, thực phẩm, may mặc, dược phẩm - thiết bị y tế và nhiều ngành hàng khác.

#### **2.4. Về xây dựng nhãn hiệu hàng hóa và nhãn hiệu nông sản chủ lực của địa phương**

Trong 09 tháng đầu năm 2022, ngành Khoa học và Công nghệ đã triển khai một số nhiệm vụ trọng tâm phát triển tài sản trí tuệ nông sản địa phương, gồm:

- Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia thuộc chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030 của tỉnh Đồng Tháp đối với nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia "*Quản lý và phát triển chỉ dẫn địa lý "Cao Lãnh" cho sản phẩm xoài của tỉnh Đồng Tháp gắn với kiểm soát chất lượng, mã số vùng trồng phục vụ xuất khẩu*".

- Tiếp tục thực hiện hợp đồng Dự án "*Đăng ký xác lập quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý "Đồng Tháp" cho sản phẩm sen*".

- Trình Ủy ban nhân dân Tỉnh phê duyệt bản đồ địa lý phục vụ việc đăng ký xác lập quyền Sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu chứng nhận "*Ôi Lê Cao Lãnh*".

- Tổ chức Hội đồng khoa học tư vấn đánh giá nghiệm thu Dự án "*Quản lý và phát triển nhãn hiệu chứng nhận Khô Phú Thọ*" (thuộc Chương trình Phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016 - 2020), và trình Ủy ban nhân dân Tỉnh phê duyệt kết quả thực hiện nhiệm vụ, chuyển giao sản phẩm ứng dụng theo quy định.

Triển khai thực hiện chính sách khuyến khích đầu tư vào hoạt động khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp theo Nghị quyết số 44/2021/NQ-HĐND ngày 17/8/2021 của Hội đồng nhân dân Tỉnh. Kết quả, hỗ trợ cho 51 tổ chức/cá nhân trên địa bàn tỉnh trong việc thiết kế, đăng ký bảo hộ nhãn hiệu hàng hóa, ISO 22000, HACCP, v.v., Trong đó, có hỗ trợ 01 Hợp tác xã NÔNG NGHIỆP SỐ 01 VĨNH THẠNH (xã Vĩnh Thạnh, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp) đăng ký xác lập quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu "*Hợp Tác Xã, hình*".

Ngoài ra, đã kết nối chuyển giao công nghệ (trực tiếp tại cơ sở) giữa các chuyên gia Trường Đại học Cần Thơ, Trường Đại học Đồng Tháp nhằm hỗ trợ chuyển giao công nghệ cho một số Hợp tác xã, cụ thể gồm:

- + HTX DVNN Mỹ Long (xã Mỹ Long, huyện Cao Lãnh) về công nghệ thực phẩm chế biến và bảo quản Nước cốt chanh mật ong cho HTX;

- + HTX Nông sản Vĩnh Thới (huyện Lai Vung) về công nghệ bảo quản quả mận theo hướng hạn chế thối rữa và kéo dài thời gian bảo quản.

- + HTX nông nghiệp Tân Hội Trung (xã Tân Hội Trung, huyện Cao Lãnh) về công nghệ chế biến sản phẩm từ ếch;

+ HTX Nhị Mỹ trong thực hiện các nhiệm vụ liên quan về ương giống và chuyển giao quy trình kỹ thuật nuôi cua đồng thương phẩm.

### **3. Công tác giảm nghèo bền vững**

#### ***3.1. Kết quả thực hiện mục tiêu giảm nghèo***

Kết quả tổng rà soát hộ nghèo, cận nghèo giai đoạn 2022 - 2025, tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ giảm còn 1,29% (tỷ lệ giảm 0,57%). Năm 2022, dự kiến qua rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cuối năm, tỷ lệ hộ nghèo giảm 0,4% từ 3,13% đầu năm xuống còn 2,73% theo chuẩn Nghị định số 07/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

#### ***3.2. Kết quả huy động nguồn lực thực hiện Chương trình***

Kinh phí thực hiện: 52.719 triệu đồng (không tính vốn tín dụng), Trong đó:

- Ngân sách Trung ương: 41.003 triệu đồng.
- Ngân sách địa phương: 4.616 triệu đồng.
- Huy động cộng đồng: 7.100 triệu đồng.
- Vốn tín dụng: 412.320 triệu đồng.

#### ***3.3. Các mô hình hỗ trợ giảm nghèo khác***

Hưởng ứng Phong trào "Tết vì người nghèo", Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận đã vận động quà hỗ trợ từ các đơn vị trong, ngoài tỉnh với mục tiêu mang Tết đầm ấm đến các hộ nghèo, cận nghèo, hộ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, người dân ảnh hưởng dịch Covid-19 trong toàn tỉnh, đã vận động hỗ trợ trao 268.618 suất quà, tổng trị giá trên 101,127 tỷ đồng (mỗi suất quà từ 400.000 đồng - 1.000.000 đồng).

Hội Bảo trợ người khuyết tật, nạn nhân chất độc da cam/DIOXIN và Bệnh nhân nghèo Tỉnh vận động tiền và hiện vật qui thành tiền do các cấp Hội trực tiếp vận động, quản lý và điều hành giúp cho người nghèo bệnh tật trên 11 tỷ đồng, vận động mua bảo hiểm y tế cho người thuộc hộ cận nghèo 21.660 thẻ BHYT, trị giá trên 1,5 tỷ đồng.

Tổ chức trao 79 căn nhà Đại đoàn kết, nhà tình thương cho hộ nghèo, tổng trị giá 3,95 tỷ đồng; thăm và chúc tết cho 13.970 hộ nghèo, với tổng số tiền 12,663 tỷ đồng, 68.004 đối tượng bảo trợ xã hội, với số tiền 13,520 tỷ đồng.

## **IV- NHỮNG THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN**

### **1. Những thuận lợi**

- Các kế hoạch cụ thể hoá đầu năm luôn bám sát các chỉ tiêu của Kết luận số 250-KL/TU, Chương trình hành động của UBND Tỉnh nên việc triển khai thực hiện tái cơ cấu nông nghiệp tại các địa phương đã có bước khởi sắc trở lại sau thời gian dài chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19, một số chuỗi ngành hàng tạo ra giá trị tăng cao hơn so với cùng kỳ (như: xoài, cá tra).

- Công tác chăm lo an sinh xã hội và giảm nghèo luôn được các cấp uỷ Đảng, chính quyền địa phương quan tâm chỉ đạo; các chính sách an sinh xã hội và chính sách trợ giúp người nghèo về y tế, giáo dục, nhà ở, vay vốn tín dụng ưu đãi, đào tạo nghề lao động nông thôn,... được lồng ghép triển khai đồng bộ.

- Các đơn vị Sở, ngành và huyện, thành phố căn cứ chức năng, nhiệm vụ của ngành, đơn vị xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát.

- Lồng ghép Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo với Chương trình xây dựng nông thôn mới, Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp, đưa lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài, Phát triển kinh tế - xã hội khu vực biên giới, hoàn thiện hạ tầng, thúc đẩy phát triển kinh tế nông thôn, giúp tăng thu nhập, tạo việc làm, góp phần không ngừng nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân, nhất là hộ nghèo.

## **2. Những mặt khó khăn**

### **2.1. Chương trình nông thôn mới**

- Các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương về Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM giai đoạn 2021 - 2025 (Bộ tiêu chí đánh giá xã NTM, NTM nâng cao, kiểu mẫu, tiêu chí huyện NTM, cơ chế, chính sách thực hiện Chương trình NTM, OCOF,...) được ban hành tương đối chậm làm ảnh hưởng đến tiến độ tham mưu UBND tỉnh ban hành các văn bản cụ thể hóa để chỉ đạo thực hiện Chương trình (hiện còn Bộ Lao động-TB&XH và Bộ Công Thương).

- Bộ tiêu chí Quốc gia về xã nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021 - 2025 có nhiều chỉ tiêu, tiêu chí quy định mức đạt cao hơn so với giai đoạn 2016 - 2020 (như: tỷ lệ đường trục áp, liên ấp được cứng hóa đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm từ  $\geq 50\%$  lên  $\geq 90\%$ ; tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế tăng từ  $\geq 85\%$  lên  $\geq 90\%$ ; thu nhập bình quân đầu người/năm tăng bình quân tăng 03 triệu đồng/năm đối với xã nông thôn mới (năm 2022 là 53 triệu đồng/người), tăng 04 triệu đồng/năm đối với xã nông thôn mới nâng cao (năm 2022 là 64 triệu đồng/người); có nhiều chỉ tiêu, tiêu chí được bổ sung nhưng khó thực hiện trong thời gian ngắn (như chỉ tiêu 13.3- Thực hiện truy xuất nguồn các sản phẩm chủ lực của xã gắn với xây dựng vùng nguyên liệu và được chứng nhận VietGap hoặc tương đương; chỉ tiêu 15.3- Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử 50% trở lên, chỉ tiêu về tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại rác tại nguồn thuộc tiêu chí Môi trường, mô hình làng thông minh trong xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu,...) gây lúng túng, ảnh hưởng trực tiếp đến tiến độ thực hiện chỉ tiêu xây nông thôn mới của các địa phương trong năm 2022. Ngoài ra, do Bộ tiêu chí mới có nhiều chỉ tiêu, tiêu chí nâng cao nên nhiều xã đạt chuẩn nông thôn mới không duy trì đạt 19/19 tiêu chí theo Bộ tiêu chí mới.

- Nhận thức của hệ thống chính trị chưa đúng về Chương trình nông thôn mới, do đó các địa phương cần phải chấn chỉnh phải luôn nhất quán quan điểm xây dựng nông thôn mới chỉ có điểm đầu, không có điểm kết thúc, cụ thể như sau:

+ Một số địa phương có tình trạng tự mãn sau khi xã đạt chuẩn NTM, thiếu sự tập trung, không tích cực trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát thực hiện việc duy trì, giữ vững và nâng chất mức độ đạt chuẩn các tiêu chí; chưa xây dựng kế hoạch duy trì, nâng chất các tiêu chí sát và thiết thực với hiện trạng; chưa chủ động, còn trông chờ chỉ đạo, hướng dẫn của cấp trên, không chủ động tháo gỡ khó khăn, vướng mắc.

+ Nhiều mô hình mô hình hay, hiệu quả không còn được duy trì (*như mô hình: Phát động phong trào xuống phố về làng, chiều thứ 6 xanh, sạch, đẹp...*), công tác triển khai và nhân rộng các mô hình chưa gắn kết chặt chẽ trong phối hợp thực hiện giữa các đoàn thể với người dân và chính quyền để tạo nên phong trào sôi nổi trên địa bàn Tỉnh. Việc phát động vẫn còn mang tính chỉ đạo từ cấp trên xuống cấp dưới, thiếu tính chủ động và sáng tạo riêng của địa phương.

## **2.2. Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp**

- Nhìn chung, giá thành đa số sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản đều tăng so cùng kỳ do chi phí đầu vào tăng (tùy theo đối tượng tăng bình quân từ 438-2.885 đồng/kg<sup>(10)</sup>), lợi nhuận thu được của người sản xuất ở mức tương đương hoặc giảm hơn so với cùng kỳ<sup>(11)</sup>.

- Do chính sách zero Covid của Trung Quốc nên các mặt hàng trái cây xoài tượng da xanh, mít gặp khó khăn trong khâu tiêu thụ nên nông dân ngại đầu tư chăm sóc, không xử lý ra hoa nghịch vụ; một số loại hoa màu bắp, ớt, khoai lang cũng giảm diện tích kéo theo giá trị sản xuất trồng trọt chưa đạt kế hoạch đề ra.

- Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu cũng làm xuất hiện một số bệnh mới trên thủy sản nuôi như bệnh trương bóng hơi kết hợp vàng da gây thiệt hại lớn cho người nuôi, nhất là trong giai đoạn cá lớn, làm giảm hiệu quả sản xuất.

## **2.3. Chương trình giảm nghèo bền vững**

- Nguồn kinh phí Chương trình giảm nghèo năm 2022 chưa được phân bổ nên nhiều hoạt động của Chương trình vẫn chưa thể triển khai thực hiện.

- Nguồn lực thực hiện chính sách chủ yếu từ ngân sách Nhà nước, vốn huy động từ các doanh nghiệp, nhất là huy động từ chính đối tượng hưởng lợi chưa đạt như mong muốn, từ đó ảnh hưởng đến kết quả đạt được.

<sup>(10)</sup> Giá thành sản xuất đối với lúa Đông Xuân tăng bình quân 829 đồng/kg; lúa Hè Thu tăng bình quân 438 đồng/kg; nhóm sản phẩm hoa màu tăng 1.747 đồng/kg; nhóm sản phẩm cây ăn trái 1.513 đồng/kg; nhóm chăn nuôi tăng 2.885 đồng/kg; nhóm sản phẩm thủy sản tăng 2.846 đồng/kg.

<sup>(11)</sup> Lợi nhuận đối với lúa giảm 1-8 triệu đồng/ha, nhóm cây ăn trái tăng bình quân 176 triệu đồng/ha, nhóm chăn nuôi giảm 4.913 đồng/kg; nhóm thủy sản tăng 3.968 triệu đồng/kg; nhóm rau màu tăng 64 triệu đồng/ha so cùng kỳ.

## **B. PHƯƠNG HƯỚNG THỰC HIỆN TRONG THỜI GIAN TỚI**

### **1. Chương trình xây dựng nông thôn mới**

- Tham mưu ban hành Kế hoạch thực hiện củng cố và nâng chất tiêu chí nông thôn mới giai đoạn 2022 - 2025 theo Bộ tiêu chí mới.

- Ban hành Sổ tay hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí nông thôn mới cấp xã giai đoạn 2021 - 2025.

- Tổ chức sơ kết đánh giá kết quả thực hiện mô hình hộ gia đình thi đua "Chung sức xây dựng nông thôn mới" giai đoạn 2019 - 2022 theo Công văn số 846-CV/TU ngày 24/6/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Tổ chức công tác tập huấn, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức thường xuyên công tác dân vận khéo trong xây dựng nông thôn mới.

- Khảo sát đánh giá kết quả thực hiện mô hình gia đình thi đua "Chung sức xây dựng nông thôn mới".

- Rà soát Kế hoạch thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Tỉnh giai đoạn 2022 - 2025 theo Chương trình phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ và các Bộ tiêu chí mới.

- Tham mưu ban hành triển khai thực hiện Kế hoạch Chương trình Chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh giai đoạn 2021 - 2025.

- Tham mưu Quyết định thành lập Đoàn thẩm định địa phương đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp đến năm 2025.

### **2. Đề án tái cơ cấu ngành Nông nghiệp**

- Triển khai các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch số 65/KH-UBND ngày 28/02/2022 của UBND tỉnh thực hiện Kết luận số 250-KL/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ Tỉnh khóa XI về tiếp tục thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới gắn với Đề án Tái cơ cấu ngành Nông nghiệp và công tác giảm nghèo bền vững đến năm 2025.

- Thực hiện các nội dung theo Kế hoạch 83/KH-UBND ngày 15/3/2022 của UBND Tỉnh Kế hoạch Tái cơ cấu ngành nông nghiệp năm 2022.

- Theo dõi, hỗ trợ các địa phương triển khai kế hoạch phát triển chuỗi liên kết ngành hàng gắn với vùng sản xuất trọng điểm đến năm 2025 trên địa bàn các huyện Châu Thành, Lấp Vò, Lai Vung, Tháp Mười.

- Triển khai thực hiện Tái cơ cấu 05 ngành hàng chủ lực của Tỉnh (lúa gạo, xoài, hoa kiểng, cá tra, sen) và Đề án Chuyển đổi số ngành nông nghiệp.

- Đưa vào vận hành nền tảng hệ sinh thái, đồng thời xây dựng kế hoạch công tác năm về chuyển đổi số ngành nông nghiệp tỉnh Đồng Tháp.

- Đẩy mạnh công tác xúc tiến kêu gọi đầu tư xã hội hoá nhằm phát triển cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn hoàn thiện hơn. Kết nối sản xuất và tiêu thụ sản

phẩm, hỗ trợ quảng bá nhãn hiệu, thương hiệu; tổ chức tuần hàng đặc sản tại các thành phố lớn; tăng cường kết nối giao thương đưa hàng hóa vào các kênh phân phối hiện đại.

- Tiếp tục hợp tác và phát triển hệ thống phân phối hàng hóa trên các sàn thương mại điện tử như: Tiki, Lazada, Shopee,...; các trung tâm thương mại, hệ thống siêu thị trong nước, từng bước tiếp cận và chinh phục thị trường khó tính.

- Triển khai Kế hoạch hoạt động của Tổ thông tin và phân tích thị trường nông sản tỉnh Đồng Tháp năm 2022. Tăng cường công tác thông tin, dự báo nhu cầu thị trường đến người dân, doanh nghiệp để có định hướng sản xuất hiệu quả.

- Tiếp tục phối hợp với các Viện, Trường và các ngành, địa phương để nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng các tiến bộ khoa học và kỹ thuật góp phần phục vụ Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới và Tái cơ cấu ngành nông nghiệp của Tỉnh.

### **3. Công tác giảm nghèo**

- Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 91/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân Tỉnh ban hành Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2022 -2025 và Kế hoạch số 61-KH/TU ngày 25/01/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng "về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo bền vững đến năm 2030".

- Thực hiện đồng bộ, có hiệu quả cơ chế, chính sách giảm nghèo để cải thiện điều kiện sống của người nghèo, gắn Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững với tiêu chí xây dựng nông thôn mới, chương trình đào tạo nghề phi nông nghiệp, người lao động đi làm việc nước ngoài có thời hạn theo hợp đồng, tạo điều kiện cho người nghèo tiếp cận với các dịch vụ xã hội cơ bản; vốn sản xuất, nhà ở, dạy nghề, tạo việc làm; triển khai thực hiện các mô hình giảm nghèo bền vững tại các địa phương; tổ chức hội nghị đối thoại chính sách giảm nghèo, công tác kiểm tra, giám sát, công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cuối năm dân chủ, khách quan, có sự tham gia của người dân.

- Tổ chức các hoạt động "Ngày vì người nghèo", đồng thời tranh thủ sự hỗ trợ của cá nhân, cộng đồng, doanh nghiệp, các tổ chức chính trị - xã hội trong và ngoài tỉnh thông qua các sự kiện lớn hàng năm vận động kinh phí Quỹ "Vì người nghèo", góp phần thực hiện hiệu quả công tác giảm nghèo bền vững./.